

Bản Tiếng Việt
Vietnamese



2018 - 2019 Hướng dẫn du học **Nhật Bản**



Independent Administrative Institution
Japan Student Services
Organization



STUDY in JAPAN



MỤC LỤC

Những điều cần biết về du học Nhật Bản

Nhật Bản là đất nước như thế nào?	1
Tại sao nên du học Nhật Bản?	2
Kế hoạch du học	3
Lịch trình.....	4

Những điều cần biết về trường học, các kỳ thi

Hệ thống giáo dục Nhật Bản.....	6
Đại học (Khoa), Cao đẳng	8
Sau đại học	10
Khóa học bằng tiếng Anh được cấp bằng	13
Du học ngắn hạn, học chuyển tiếp.....	14
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN).....	15
Trường dạy nghề (Khóa chuyên môn trường dạy nghề)	16
Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật	18
Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU).....	20
Các kỳ thi cần thiết cho du học Nhật Bản.....	22
Lý do tôi chọn du học Nhật Bản	23

Những điều cần biết về cuộc sống sinh hoạt

Thủ tục nhập cảnh	24
Kinh phí cần thiết khi du học	28
Chi phí sinh hoạt, giá cả	29
Học phí.....	30
Học bổng.....	32
Làm thêm	34
Nhà ở.....	35
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thiệt hại.....	36
Thực tập, Internship	37
Làm việc tại Nhật Bản	38

Các thông tin khác về du học Nhật Bản

Số liệu thống kê về du học Nhật Bản	39
Hỏi đáp về du học Nhật Bản/Hoạt động thúc đẩy du học Nhật Bản của các tổ chức ở nước ngoài	40
Các nguồn thông tin về du học Nhật Bản.....	41

NHẬT BẢN LÀ ĐẤT NƯỚC NHƯ THẾ NÀO?

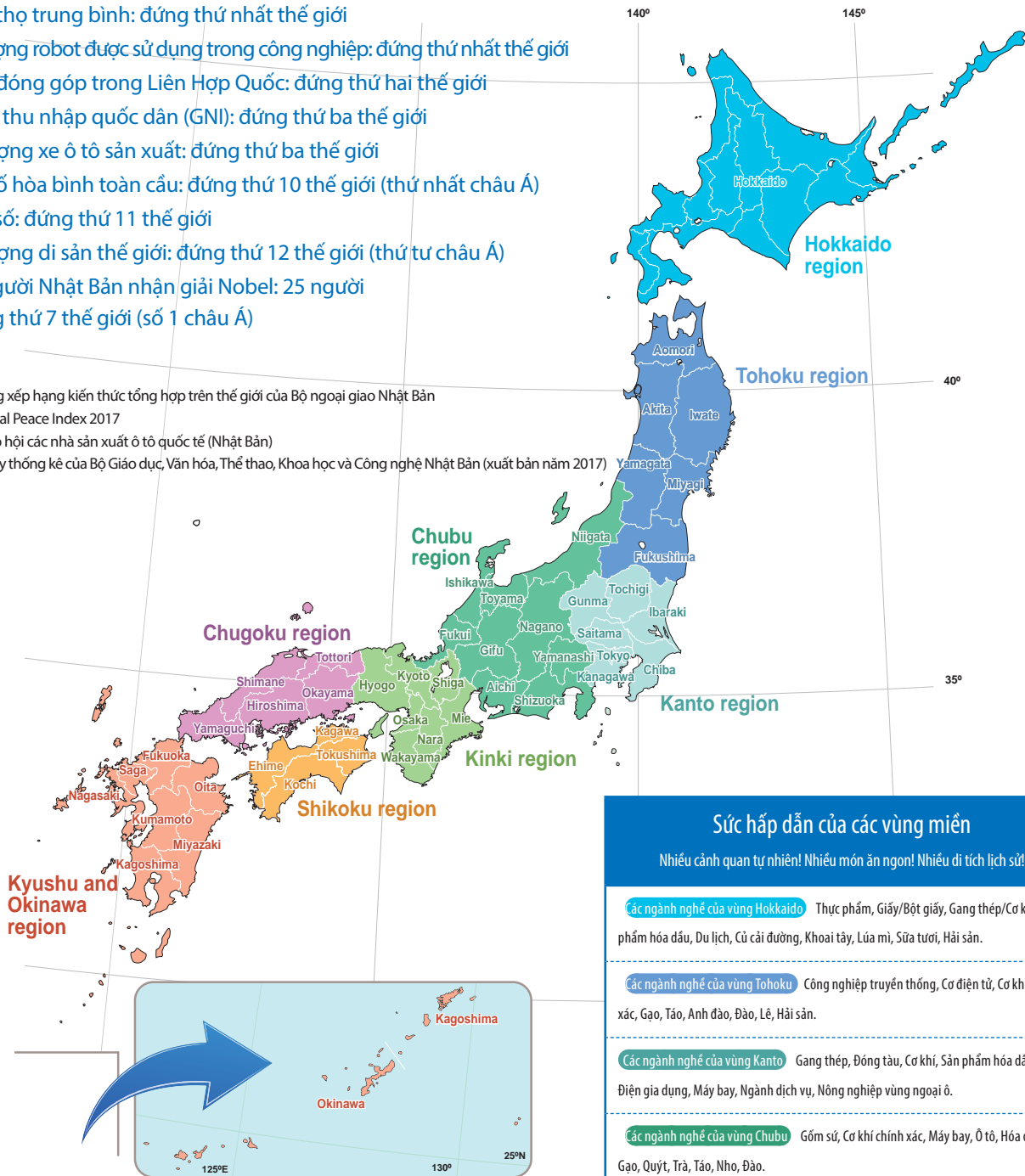
- Tuổi thọ trung bình: đứng thứ nhất thế giới
- Số lượng robot được sử dụng trong công nghiệp: đứng thứ nhất thế giới
- Tỷ lệ đóng góp trong Liên Hợp Quốc: đứng thứ hai thế giới
- Tổng thu nhập quốc dân (GNI): đứng thứ ba thế giới
- Số lượng xe ô tô sản xuất: đứng thứ ba thế giới
- Chỉ số hòa bình toàn cầu: đứng thứ 10 thế giới (thứ nhất châu Á)
- Dân số: đứng thứ 11 thế giới
- Số lượng di sản thế giới: đứng thứ 12 thế giới (thứ tư châu Á)
- Số người Nhật Bản nhận giải Nobel: 25 người
Đứng thứ 7 thế giới (số 1 châu Á)

Nguồn: Bảng xếp hạng kiến thức tổng hợp trên thế giới của Bộ ngoại giao Nhật Bản

Global Peace Index 2017

Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô quốc tế (Nhật Bản)

Số tay thống kê của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (xuất bản năm 2017)



Sức hấp dẫn của các vùng miền

Nhiều cảnh quan tự nhiên! Nhiều món ăn ngon! Nhiều di tích lịch sử!

Các ngành nghề của vùng Hokkaido Thực phẩm, Giấy/Bột giấy, Gang thép/Cơ khí/sản phẩm hóa dầu, Du lịch, Củ cải đường, Khoai tây, Lúa mì, Sữa tươi, Hải sản.

Các ngành nghề của vùng Tohoku Công nghiệp truyền thống, Cơ điện tử, Cơ khí chính xác, Gạo, Táo, Anh đào, Đào, Lê, Hải sản.

Các ngành nghề của vùng Kanto Gang thép, Đóng tàu, Cơ khí, Sản phẩm hóa dầu, Ô tô, Điện gia dụng, Máy bay, Ngành dịch vụ, Nông nghiệp vùng ngoại ô.

Các ngành nghề của vùng Chubu Gốm sứ, Cơ khí chính xác, Máy bay, Ô tô, Hóa dầu, Gạo, Quýt, Trà, Táo, Nho, Đào.

Các ngành nghề của vùng Kinki Công nghiệp – hóa học nặng, Dệt, Thiết bị điện, Thực phẩm, Nông nghiệp vùng ngoại ô, Lâm nghiệp, Quýt, Nuôi ngọc trai.

Các ngành nghề của vùng Chugoku Sợi hóa học, Gang thép, Đóng tàu, Ô tô, Hóa dầu, Xi măng, Lê, Nho Muscat, Đào, Nuôi hàu.

Các ngành nghề của vùng Shikoku Đóng tàu, Luyện kim, Giấy/Bột giấy, Khăn mặt, Sợi hóa học, Quýt, Củ sen, Cà rốt.

Các ngành nghề của vùng Kyushu và Okinawa Gang thép, Công nghiệp máy móc, Hóa học, Đóng tàu, Hóa dầu, Gạo, Quýt, Khoai lang, Thuốc lá, Chăn nuôi, Hải sản.

Những trang web giới thiệu về Nhật Bản

- Web Japan (Bộ Ngoại giao Nhật Bản)
<http://web-japan.org/>
- Cơ quan Xúc tiến Du lịch Nhật Bản tại Việt Nam (JNTO)
<https://www.camnhannhatban.vn/>
- Vùng đất Nhật Bản tràn đầy hấp dẫn (Tổng cục Du lịch Nhật Bản)
<http://www.mlit.go.jp/kankocho/cruise/jp/introduction/index.html>

TẠI SAO NÊN DU HỌC NHẬT BẢN?

Chúng tôi đã hỏi các bạn sinh viên hiện đang du học!

Q Mục đích du học của bạn là gì? (Chọn nhiều câu trả lời)

- | | | |
|----------|---|---------------|
| A | | |
| 1 | Lấy bằng | 53.2 % |
| 2 | Trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết khi tìm việc làm | 47.3 % |
| 3 | Làm việc ở Nhật hoặc các doanh nghiệp Nhật Bản | 44.3 % |
| 4 | Tích lũy kinh nghiệm mang tính quốc tế và muốn trở thành một con người mang tâm quốc tế | 31.8 % |
| 5 | Muốn có tư duy quốc tế | 31.0 % |
| 6 | Tích lũy kiến thức của nhiều lĩnh vực | 27.1 % |
| 7 | Nâng cao năng lực tiếng Nhật | 21.8 % |
| 8 | Trải nghiệm nền văn hóa khác | 17.3 % |
| 9 | Nghiên cứu trong môi trường tốt | 9.6 % |

Vi có thể kết bạn với người Nhật và bạn bè nước khác, giao tiếp một cách thoải mái. Tích cực tham gia vào các hoạt động ngoại khóa nên cuộc sống sinh hoạt vô cùng phong phú!



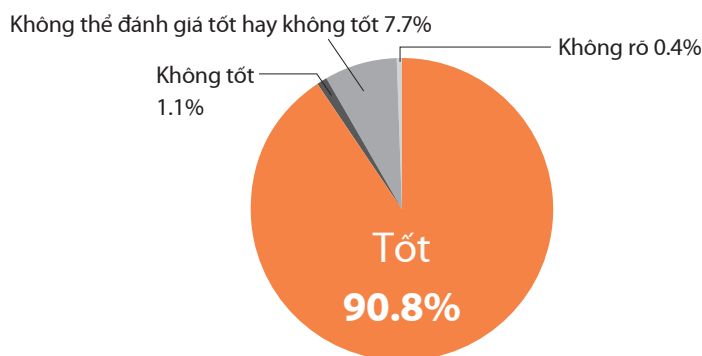
Q Tại sao bạn chọn Nhật làm nơi du học? (Chọn nhiều câu trả lời)

- | | | |
|----------|---|---------------|
| A | | |
| 1 | Vi quan tâm tới xã hội Nhật Bản và muốn sống ở Nhật | 59.5 % |
| 2 | Vi muốn học tiếng Nhật, văn hóa Nhật | 47.3 % |
| 3 | Vi nghĩ rằng nền giáo dục và nghiên cứu tại các trường đại học của Nhật Bản có sức hút lớn | 35.8 % |
| 4 | Vi muốn làm việc trong các ngành có liên quan tới Nhật Bản | 25.0 % |
| 5 | Vi muốn trải nghiệm nền văn hóa khác | 23.1 % |
| 6 | Vi có lĩnh vực chuyên môn mà bản thân có hứng thú | 22.1 % |
| 7 | Vi theo lời khuyên của bạn thân, người quen và gia đình v.v. | 19.6 % |
| 8 | Vi gắn về mặt địa lý | 19.6 % |
| 9 | Đã từng suy nghĩ tới nước khác nhưng vi Nhật có các điều kiện như học lực, chi phí v.v. phù hợp nhất với bản thân | 15.0 % |
| 10 | Do đã tham gia chương trình trao đổi giữa các trường đại học | 5.8 % |

Được nghiên cứu cùng với những nhà nghiên cứu xuất sắc và môi trường nghiên cứu tuyệt vời! Hãy đưa ra mục tiêu rõ ràng và chuyên tâm vào việc nghiên cứu!



Q Ấn tượng khi du học Nhật Bản là?



Hoạt động tìm việc tại Nhật Bản khá khó nhưng đó là cơ hội để nhận thức rõ hơn về bản thân mình và là một trải nghiệm vô cùng quý giá để trưởng thành.



Nguồn: "Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tự phí người nước ngoài năm 2015" (JASSO)

KẾ HOẠCH DU HỌC

Lập kế hoạch là chìa khóa của thành công!

Đây là điều quan trọng nhất!

Why
Tại sao

Mục đích du học là gì?
Công việc tương lai mà bạn hướng đến yêu cầu bạn cần những bằng cấp và năng lực gì?

Where
Ở đâu

Nên học ở cơ sở giáo dục nào?

How long
Bao lâu

Cần học trong bao lâu?

What
Cái gì?

Muốn học cái gì?
Lĩnh vực chuyên khoa, chuyên môn?

1 Bằng cấp, Chứng chỉ	Bằng cử nhân	Đại học	4 năm (※ một số chuyên ngành 6 năm)	Kinh tế học Vật lý học Y học Kiến trúc học Nông học Phúc lợi Thiết kế Mỹ thuật Giáo dục học Xã hội học Thông tin học Môi trường học Anime Game
	Bằng Thạc sĩ	Sau đại học	2 năm ~	
	Bằng Tiến sĩ	Sau đại học	3 năm ~	
	Bằng cao đẳng	Cao đẳng	2 năm (※ một số chuyên ngành 3 năm)	
	Chứng chỉ chuyên môn	Trường dạy nghề	2 ~ 3 năm	
	Chứng chỉ chuyên môn cao cấp	Trường dạy nghề	4 năm	
2 Học ngắn hạn Trải nghiệm	Du học ngắn hạn	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật, Chương trình ngắn hạn của trường đại học	Vài tháng ~ 1 năm	Tiếng Nhật Văn hóa Nhật So sánh văn hóa
	Du học trao đổi	Đại học	Trong 1 năm	
3 Học tiếng Nhật	Học tiếng	Trường tiếng Nhật	~ 2 năm	Khóa học tiếp lên Hội thoại tiếng Nhật Tiếng Nhật thương mại
	Học tiếp lên	Trường tiếng Nhật	~ 2 năm	
		Khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của các trường đại học, cao đẳng tư lập	1 ~ 2 năm	

When
Khi nào

Khi nào đi?
Khi nào bắt đầu?
Cần bao nhiêu thời gian để chuẩn bị?

How much
Bao nhiêu

Chi phí mất bao nhiêu?
Tiền vé máy bay? Tiền sinh hoạt phí?
Tiền trọ? Tiền ăn?
Tiền tiết kiệm có đủ không?
Tiền gia đình gửi?
Làm thêm? Học bổng?

Hãy xem "Lịch trình" ở trang 4~5 và thử lập kế hoạch nào!

Hãy xem trang 28~36 và thử tính toán nào!

LỊCH TRÌNH

Các bạn đã lập kế hoạch du học chưa?

Hãy nhìn bảng lịch trình cơ bản để biết cần chuẩn bị những gì.

Từ lúc lập kế hoạch cho tới khi đi Nhật

Kế hoạch

1

Dành cho người chỉ muốn học tiếng Nhật

- 1 ~ 8 chuẩn bị tại Việt Nam,
- 9 chuẩn bị tại nước Nhật,
- 10 vào học tại Trường tiếng Nhật

Kế hoạch

2

Dành cho người muốn học tiếp lên đại học hoặc trường dạy nghề sau khi học tiếng Nhật

- 1 ~ 8 chuẩn bị tại Việt Nam, 9 chuẩn bị tại nước Nhật,
- 10 vào học tại trường tiếng Nhật. Trong thời gian đang học tại trường tiếng Nhật cần chuẩn bị 11 ~ 12 và kết thúc ở mục 22,
- 23 vào học Đại học, Trường dạy nghề.

Kế hoạch

3

Dành cho người muốn vào thẳng trường đại học hoặc trường dạy nghề sau khi tốt nghiệp ở Việt Nam

- Nếu bạn có đủ năng lực tiếng Nhật, có khả năng học khóa học bằng tiếng Anh v.v.
- Hãy bỏ qua bước từ mục 2 ~ 10 bắt đầu từ mục 11 là tập hợp tài liệu. Sau khi đỗ kỳ thi đầu vào, sẽ tiến hành các thủ tục để nhập học vào trường đại học, trường dạy nghề ở mục 23

Thông qua các công ty tư vấn du học

Nếu tự mình làm các thủ tục du học sẽ có nhiều ưu điểm như tiết kiệm về mặt kinh tế, nâng cao năng lực phán đoán của bản thân và năng lực ngôn ngữ nhưng nếu bạn rón hoặc chưa tự tin về năng lực ngôn ngữ thì việc đi du học thông qua các công ty tư vấn du học cũng là một lựa chọn.

Điểm quan trọng khi lựa chọn!

- ① Kinh phí So với nhiều công ty khác giá cả có hợp lý không? Có đưa ra những tư vấn như nếu làm thêm ở Nhật có thể kiếm tiền trang trải toàn bộ học phí và sinh hoạt phí không? Có làm hợp đồng với nội dung chi tiết, rõ ràng về số tiền và nội dung dịch vụ không?
- ② Cách tư vấn Có giới thiệu những trường phù hợp với mục đích của bản thân không? Có đưa ra những tư vấn kiểu như nhập cảnh bằng giấy tờ giả không? Có nghiêm túc trả lời đầy đủ những câu hỏi và tiến độ làm thủ tục không? Có giục nhanh chóng đăng ký không? Có nói rõ về những vất vả và khi đi du học bên cạnh những điểm tốt không?
- ③ Thành tích thực tế Đã từng giới thiệu nhiều du học sinh sang Nhật không?

Kế hoạch 1	Kế hoạch 2		
Bắt đầu	Bắt đầu		
↓	↓		
↓	↓		
↓	↓		
↓	↓		
↓	↓		
↓	↓	Kế hoạch 3	
		Bắt đầu	
	↓	↓	
	↓	↓	
	↓	↓	
↓	↓	↓	
Học tập	↓	↓	
↓	↓	↓	
	↓	↓	
	↓	↓	
	↓	↓	
	↓	↓	
	↓		
	↓	↓	
Hoàn thành khóa học tại trường tiếng Nhật	Hoàn thành khóa học tại trường tiếng Nhật		
GOAL!!	GOAL!!		
		Đại học, Trường dạy nghề	
		GOAL!!	

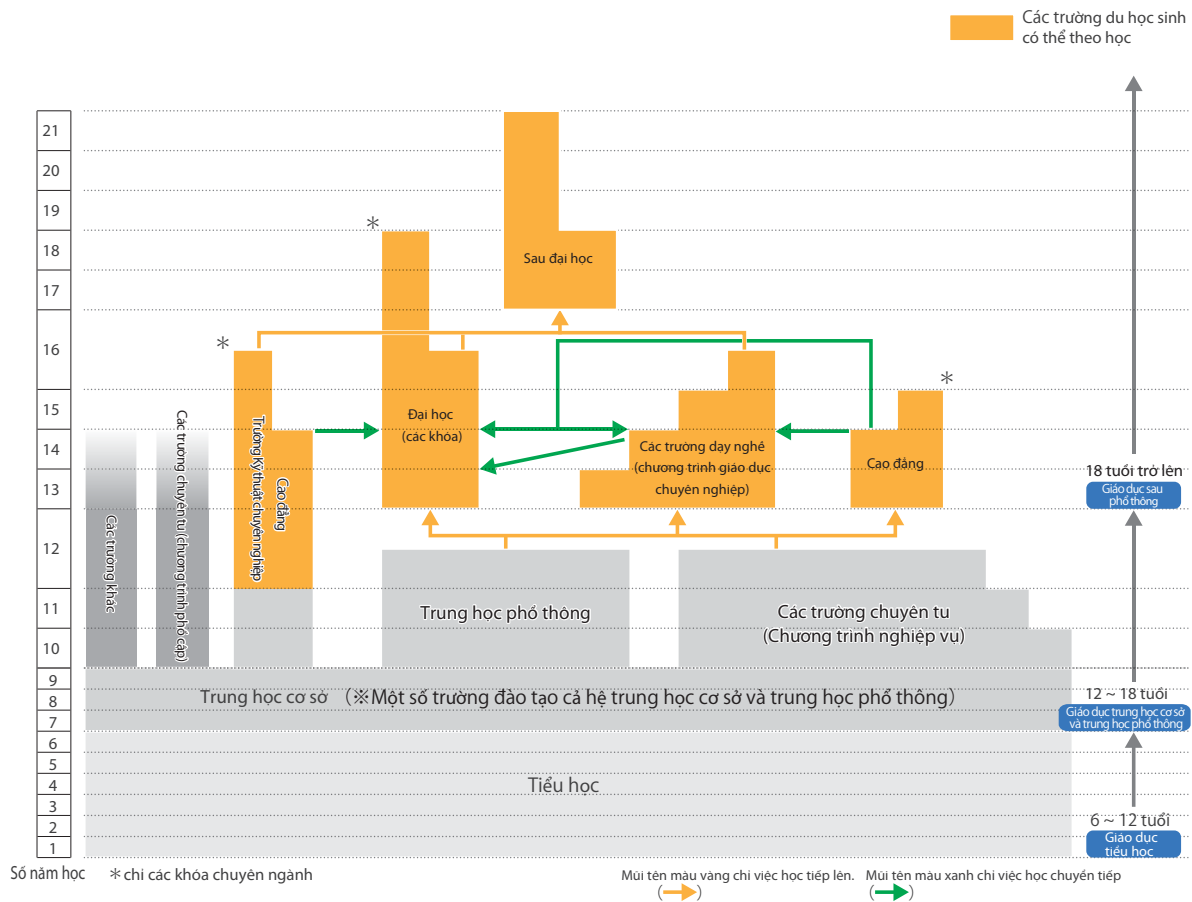
↓ = Thủ tục tại Việt Nam
 ↓ = Thủ tục tại nước Nhật

Các bước	Trang liên quan	Thời gian		Hành động
1 Lên kế hoạch và thu thập thông tin	Trang 3, Trang 28 ~ 31			Xác định rõ, cụ thể hóa mục đích du học. Kiểm tra năng lực ngôn ngữ và kinh phí cần thiết.
2 Tập hợp tài liệu của trường tiếng Nhật	Trang 18, 19	Tháng 4 ~ 6	Tháng 10 ~ 12	Tìm hiểu tài liệu hướng dẫn về trường, hồ sơ nhập học của một vài trường có nguyện vọng vào học. Xác nhận điều kiện nộp hồ sơ.
3 Chọn trường	Trang 18, 19	~ tháng 9	~ tháng 2	Chọn trường có nguyện vọng vào học dựa trên các tài liệu như hướng dẫn về trường v.v.
4 Nộp hồ sơ	Trang 18, 19	Tháng 9 ~ 11	Tháng 2 ~ 4	Gửi hồ sơ nhập học, giấy tờ cần thiết cho trường có nguyện vọng vào học.
5 Giấy phép nhập học		Tháng 1 } Tháng 3	Tháng 7 } Tháng 9	Nhận giấy thông báo nhập học. Đóng tiền học phí v.v.
6 Thủ tục nhập cảnh	P.24 ~ 27			Nhận giấy chứng nhận tư cách lưu trú và xin visa.
7 Chuẩn bị đi du học				Tìm nhà ở.
8 Thủ tục xuất cảnh, xuất phát				Mua vé máy bay, bảo hiểm
9 Thủ tục nhập học				
10 Nhập học, bắt đầu học tập		Nhập học trường tiếng Nhật		
		Tháng 4 (Khóa 1, 2 năm)	Tháng 10 (Khóa 1 năm rưỡi)	
11 Tập hợp tài liệu của trường đại học, trường dạy nghề	P.8 ~ 17	Tháng 4 ~ 5		Tìm hiểu tài liệu hướng dẫn về trường, hồ sơ nhập học của một vài trường có nguyện vọng vào học. Xác nhận điều kiện nộp hồ sơ.
12 Chọn trường	P.8 ~ 17	trước tháng 6		Chọn trường có nguyện vọng vào học dựa trên các tài liệu như hướng dẫn về trường v.v.
13 Đăng ký dự thi Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) Dự thi Kỳ thi năng lực Nhật ngữ (JLPT), TOEFL® IELTS® TOEIC® (Nếu cần)	P.20 ~ 21	trước tháng 7		Đăng ký dự thi Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) và dự thi các kỳ thi cần thiết khác
14 Nộp hồ sơ	P.8 ~ 17	Tháng 8 ~ 10		Gửi hồ sơ nhập học, giấy tờ cần thiết cho trường có nguyện vọng vào học.
15 Dự thi		Tháng 11 ~ 2		Đánh giá hồ sơ, Dự thi Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU), Dự thi các kỳ thi nhập học của trường có nguyện vọng vào học.
16 Giấy phép nhập học		Tháng 1 ~ 3		Nhận giấy thông báo nhập học.
17 Thủ tục nhập cảnh	Trang 24 ~ 27			Nhận giấy chứng nhận tư cách lưu trú và xin visa.
18 Chuẩn bị đi du học				Đóng tiền học phí. Tìm nhà ở.
19 Thủ tục thay đổi tư cách lưu trú				
20 Thủ tục xuất cảnh, xuất phát				Mua vé máy bay, bảo hiểm.
21 Thủ tục nhập học				
22 Hoàn thành khóa học tại trường tiếng Nhật				
23 Nhập học		Nhập học trường đại học, trường dạy nghề		* Có một số trường nhập học vào mùa thu (tháng 9 hoặc tháng 10) * Quá trình từ khi nộp hồ sơ cho tới khi nhập học tùy từng trường sẽ khác nhau. Hãy xác nhận rõ các điều kiện khi tuyển sinh của trường để không bị sai sót khi làm thủ tục.
		Tháng 4		
24 Tốt nghiệp		Tháng 3		

HỆ THỐNG GIÁO DỤC NHẬT BẢN

Giáo dục sau trung học phổ thông của Nhật Bản bắt đầu sau khi hoàn thành 12 năm học bao gồm giáo dục tiểu học (6 năm) và trung học (trung học cơ sở 3 năm, trung học phổ thông 3 năm). Các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông mà du học sinh có thể vào học gồm 5 loại ① Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (高等専門学校), ② Trường dạy nghề (Khóa chuyên môn Trường dạy nghề) (専門学校 (専修学校専門課程)), ③ Cao đẳng (短期大学), ④ Đại học (Khoa) (大学 (学部)), ⑤ Sau đại học (大学院). Tùy vào pháp nhân thành lập trường, các cơ sở giáo dục được chia thành quốc lập, công lập và tư lập.

Chương 2
Những điều cần biết về trường học, các kỳ thi
Hệ thống giáo dục của Nhật Bản



1 Lịch học và các chế độ học kỳ

Năm học ở Nhật thường bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 3 năm sau. Rất nhiều trường của Nhật áp dụng chế độ semester (chế độ 2 học kỳ), học kỳ đầu từ tháng 4 đến tháng 9, học kỳ sau từ tháng 10 đến tháng 3. Cũng có trường áp dụng chế độ 3 học kỳ và chế độ quarter (chế độ 4 học kỳ). Nhật Bản thường nhập học vào tháng 4, tuy nhiên khoa sau đại học của nhiều trường đại học sẽ nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10.

< Một năm học chế độ 2 học kỳ của sinh viên nhập học vào tháng 4 >

Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
Học kỳ 1				Nghỉ hè	Học kỳ 2
Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Học kỳ 2			Nghỉ đông	Học kỳ 2	Nghỉ xuân

2 Điều kiện nhập học

Về nguyên tắc, để học tiếp lên đại học (khoa), cao đẳng, trường dạy nghề của Nhật Bản, cần phải hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy. Để học chuyển tiếp vào các trường kỹ thuật chuyên nghiệp phải hoàn thành chương trình học 11 năm, để học tiếp lên các trường có hệ sau đại học (khóa học thạc sĩ) phải hoàn thành chương trình học 16 năm.

Trường hợp những học sinh đến từ các nước như Ấn Độ, Nepal, Bangladesh, Malaysia, Myanmar, Mông Cổ, Peru v.v. đã hoàn thành 10 hoặc 11 năm giáo dục tiểu học và giáo dục trung học muốn học tiếp lên đại học của Nhật Bản cần đáp ứng một trong số các điều kiện như dưới đây. Tuy nhiên, ngoài những điều kiện đó cũng có trường yêu cầu đáp ứng những điều kiện khác. Hãy hỏi trường bạn có dự định nhập học trong trường hợp bạn không rõ mình có đủ điều kiện nhập học hay không.

- ① Đang học năm 1 hoặc năm 2 tại các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông như khóa đào tạo dự bị trước khi vào học đại học tại Việt Nam và sẽ hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy.
- ② Hoàn thành khóa đào tạo dự bị*¹ được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định (chỉ áp dụng với những học sinh đã hoàn thành khóa học tương đương với cấp trung học phổ thông của Nhật Bản). Tuy nhiên, những học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học và giáo dục trung học chưa đủ 12 năm, trong trường hợp đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm tại những nước mà Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định thì cho dù chưa hoàn thành khóa đào tạo dự bị vẫn đủ điều kiện nhập học.

*¹ Khóa đào tạo dự bị" do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html

3 Bằng cấp (học vị), chứng chỉ đạt được và số năm đào tạo

	Khóa học	Bằng cấp, chứng chỉ đạt được	Số năm đào tạo tiêu chuẩn
Sau đại học	Khóa học tiến sĩ * ¹	Tiến sĩ	5 năm
	Khóa học thạc sĩ	Thạc sĩ	2 năm
	Khóa học lấy bằng chuyên ngành	Thạc sĩ (chuyên ngành)	2 năm
		Tiến sĩ Luật (chuyên ngành)	3 năm
	Tiến sĩ Giáo dục (chuyên ngành)	2 năm	
Đại học (Khoa)	Các khoa thông thường, Khoa dược khóa 4 năm	Cử nhân	4 năm
	Y khoa, Nha khoa, Thú y, Khoa dược khóa 6 năm		6 năm
Cao đẳng * ² * ⁵	–	Cao đẳng	2 ~ 3 năm
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp * ³ * ⁴ * ⁵	–	Bậc cao đẳng	3 năm (Thương mại hàng hải là 3 năm 6 tháng)
Trường dạy nghề * ⁴	Khóa học chuyên môn (Trường dạy nghề)	Chuyên môn	2 năm trở lên
		Chuyên môn cao cấp	4 năm trở lên

*¹ Khóa đào tạo tiến sĩ được chia thành 2 giai đoạn là giai đoạn đầu (2 năm, tương đương với thạc sĩ của Việt Nam) và giai đoạn sau (3 năm, tương đương với tiến sĩ của Việt Nam). Thời gian đào tạo bắt buộc của khóa đào tạo tiến sĩ ngành y học, nha khoa, dược và thú y hệ 6 năm sau khi hoàn thành đủ 6 năm học bậc đại học là 4 năm.

*² Sau khi tốt nghiệp cao đẳng có thể nhận được bằng "cử nhân" nếu học tiếp khóa chuyên ngành (1~2 năm).

*³ Thông thường, thời gian hoàn thành đào tạo tại các trường kỹ thuật chuyên nghiệp là 5 năm nhưng du học sinh được chấp nhận vào học từ năm thứ 3. Sau khi tốt nghiệp, nếu hoàn thành khóa chuyên ngành (2 năm) có thể nhận được bằng "cử nhân".

*⁴ Danh xưng "Bậc cao đẳng" của Trường kỹ thuật chuyên nghiệp, "chuyên môn" hoặc "chuyên môn cao cấp" của trường dạy nghề là chứng chỉ không phải bằng cấp

*⁵ Có thể nhận được bằng "cử nhân" nếu hoàn thành khóa chuyên ngành của trường cao đẳng, khóa học nâng cao của Trường kỹ thuật chuyên nghiệp được tổ chức hỗ trợ cải cách đại học và cấp học vị (NIAD-QE) công nhận và vượt qua kỳ thi của NIAD-QE. Hãy xác nhận với trường bạn có nguyện vọng theo học để biết thêm thông tin chi tiết.

Tổ chức cấp học vị (National Institution for Academic Degrees and Quality Enhancement of Higher Education)

http://www.niad.ac.jp/n_gakui/

Q Bằng cấp nhận được tại Nhật có giá trị tại nước khác không?

A Thông thường, bằng cấp nhận được tại Nhật có giá trị tương đương với bằng cấp nhận được ở các nước khác. Tuy nhiên, tùy theo mỗi quốc gia, có những nơi Bộ Giáo dục hoặc Cơ quan thẩm định (Tổ chức phi lợi nhuận, doanh nghiệp tư nhân v.v.) sẽ đánh giá bằng cấp nhận được ở nước ngoài. Bạn nên xác nhận trước với các cơ quan liên quan ở nước mình về vấn đề này.

ĐẠI HỌC (KHOA), CAO ĐẲNG

Là cơ sở giáo dục trung tâm của hệ thống đào tạo sau trung học phổ thông, về nguyên tắc thời gian đào tạo ở trường đại học là 4 năm, cao đẳng là 2 năm. Tùy từng trường sẽ có cơ chế sinh viên dự thính không chính quy, sinh viên tự do lựa chọn môn học. Bên cạnh chế độ du học dài hạn với mục đích lấy bằng, còn có chế độ du học ngắn hạn ngoài mục đích trên.

1 Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong số các điều kiện sau:

- ① Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
- ② Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi kiểm tra học lực tương đương hoàn thành chương trình học 12 năm ngoài nước Nhật.
- ③ Đủ 18 tuổi, hoàn thành việc học tại các trường dành cho người nước ngoài đã được chỉ định tại Nhật, tương đương với trường trung học phổ thông ngoài nước Nhật.
- ④ Đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm ngoài nước Nhật, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định.
- ⑤ Đủ 18 tuổi, có bằng Tú tài quốc tế, bằng Abitur, bằng Tú tài Pháp hoặc trong kì thi GCEA bạn đạt đủ điểm mà trường yêu cầu.
- ⑥ Đủ 18 tuổi, đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các cơ sở giáo dục được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACISI) công nhận.
- ⑦ Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
- ⑧ Đáp ứng được một trong các điều kiện nhập học theo luật giáo dục trường học ngoài các điều kiện trên.
- ⑨ Đủ 18 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường.
- ※ Từ ①-③, nếu chương trình học không đủ 12 năm hoặc không hoàn thành khóa học được chỉ định ở nước ngoài, có những trường hợp cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập.

2 Chọn trường

Đại học, cao đẳng

Điểm quan trọng khi chọn trường!

① Nội dung giờ học, nội dung nghiên cứu	Có phải là giờ học mình thực sự muốn học không? Có thể nghiên cứu không? Có giáo viên mình muốn học không?
② Khóa học (Chương trình học)	Có khóa học học cùng người Nhật không? Có khóa học lấy được bằng mà chỉ cần học bằng tiếng Anh không? Có khóa học dài hạn không? Có khóa học ngắn hạn không?
③ Trang thiết bị nghiên cứu	Có đầy đủ trang thiết bị để nghiên cứu không?
④ Kỳ thi đầu vào	Có chế độ cho phép nhập học trước khi sang Nhật không? Có kỳ thi đặc biệt dành cho du học sinh không?
⑤ Thành tích nhận du học sinh, cơ chế hỗ trợ du học sinh	Có giờ học hỗ trợ tiếng Nhật không? Có nhân viên hỗ trợ du học sinh không? Có tutor hỗ trợ trong học tập và sinh hoạt không? Có hỗ trợ tìm việc không?
⑥ Định hướng của sinh viên sau tốt nghiệp	Học tiếp lên hệ sau đại học? Nơi làm việc?
⑦ Học phí, chi phí cần thiết khác	Năm đầu? Từ năm thứ 2 trở đi? Tổng số tiền tới lúc tốt nghiệp?
⑧ Cấp học bổng	Trường có chế độ học bổng hoặc chế độ miễn, giảm học phí không? Ti lệ được nhận? Có thông báo được nhận hay không được nhận trước khi sang Nhật không?
⑨ Nơi ở	Trường có ký túc xá hoặc khu nhà ở dành cho sinh viên không? Có tìm giúp phòng trọ không?
⑩ Môi trường sinh sống và học tập	Trường có môi trường thuận lợi cho học tập và sinh hoạt không? Ở thành phố lớn hay tỉnh lẻ? Có thể thích ứng với khí hậu nơi đó không?

Thông tin các trường đại học, cao đẳng (JASSO)

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

Japanese Colleges and Universities Search (JASSO)

https://www.g-studyinjapan.jasso.go.jp/univ_search/

Tra cứu các trường đại học, cao đẳng (JAPAN STUDY SUPPORT)

<http://www.jpss.jp/ja/>



Hướng dẫn nhập học vào các trường đại học dành cho du học sinh tự phí người nước ngoài

Sách hướng dẫn tập hợp các thông tin cần thiết như nội dung thi đầu vào của các trường đại học, số người đỗ trong kỳ thi dành cho du học sinh v.v.

Biên soạn, phát hành: The Asian Students Cultural Association (Phát hành tại Nhật)

※ Có thể xem thông tin tại các cổng thông tin về tài liệu du học Nhật Bản (Trang 41)

3 Hồ sơ cần nộp

- ① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
- ② Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
- ③ Bảng điểm trung học phổ thông/học ba
- ④ Thư tiến cử của Hiệu trưởng hoặc Giáo viên trường trung học phổ thông
- ⑤ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật hoặc tiếng Anh
- ⑥ Giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.



4 Kỳ thi đầu vào

Nhiều trường, ngoài kỳ thi đầu vào dành cho đối tượng là thí sinh người Nhật, còn tổ chức kỳ thi đầu vào dành cho người nước ngoài (du học sinh). Các trường sẽ tổ chức kết hợp các hình thức thi dưới đây để tuyển chọn. Tùy từng trường sẽ có cách thức thi tuyển khác nhau, hãy xem kỹ hướng dẫn thi của trường đó.

- ① Đánh giá hồ sơ
- ② Kiểm tra học lực
- ③ Phỏng vấn
- ④ Viết tiểu luận, bài văn
- ⑤ Kiểm tra tính phù hợp và năng lực khác
- ⑥ Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
- ⑦ Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)
- ⑧ Kỳ thi đại học toàn quốc



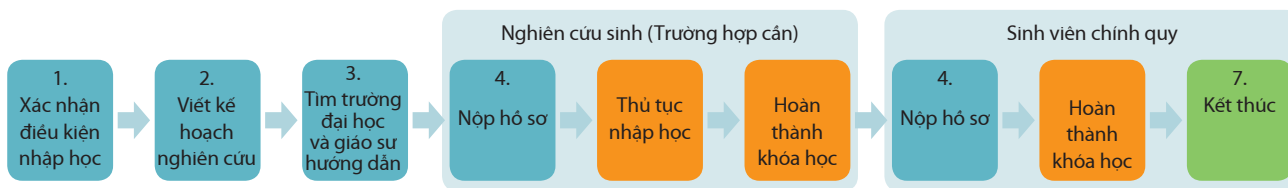
5 Để tốt nghiệp, hoàn thành khóa học

Nếu tốt nghiệp và đạt đủ tiêu chuẩn dưới đây sẽ được cấp bằng cử nhân.

※ Tùy từng trường Đại học, có những trường sẽ tự quy định điều kiện cần thiết và số tín chỉ tốt nghiệp.

	Phân loại	Số năm đào tạo tiêu chuẩn	Số tín chỉ đạt được	Bằng cấp đạt được
① Đại học (Khoa)	Khoa thông thường, Khoa được 4 năm	4 năm	124 tín chỉ trở lên	Cử nhân
	Khoa Y, Nha khoa, Thú y và Khoa dược hệ 6 năm	6 năm	Y khoa, Nha khoa 188 tín chỉ trở lên Thú y 182 tín chỉ trở lên Dược 186 tín chỉ trở lên	
② Cao đẳng	Chương trình học 2 năm	-	62 tín chỉ trở lên	Cao đẳng
	Chương trình học 3 năm	-	93 tín chỉ trở lên	

SAU ĐẠI HỌC



1 Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

① Khóa học Thạc sĩ, Tiến sĩ (Giai đoạn đầu/ Kỳ đầu)

- ① Đã tốt nghiệp đại học ở Nhật.
- ② Nhận được bằng cử nhân do Tổ chức hỗ trợ cải cách đại học và cấp học vị (NIAD-QE) cấp.
- ③ Đã hoàn thành chương trình học 16 năm ngoài nước Nhật.
- ④ Nhận được bằng tương đương với bằng cử nhân do đã hoàn thành khóa học 3 năm trở lên tại các trường đại học ngoài nước Nhật.
- ⑤ Đã hoàn thành chương trình học 16 năm tại các cơ sở giáo dục được chỉ định có chương trình đại học nước ngoài tại Nhật Bản.
- ⑥ Đã tốt nghiệp trường dạy nghề được chỉ định.
- ⑦ Đủ 22 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp đại học theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường Sau đại học.

② Khóa học Tiến sĩ (Giai đoạn sau/ Kỳ sau)

- ① Có bằng Thạc sĩ hoặc bằng chuyên môn hành nghề của Nhật.
- ② Nhận được bằng tương đương với bằng Thạc sĩ hoặc bằng chuyên môn hành nghề ở ngoài nước Nhật.
- ③ Đã hoàn thành chương trình học được chỉ định là chương trình sau đại học ngoài nước Nhật, nhận được bằng tương đương với bằng Thạc sĩ hoặc bằng chuyên môn hành nghề tại nước Nhật.
- ④ Đã tốt nghiệp đại học, có trên 2 năm nghiên cứu tại các trường đại học, trung tâm nghiên cứu (bao gồm cả đại học, trung tâm nghiên cứu ngoài nước Nhật), là người được công nhận có học lực tương đương người có bằng Thạc sĩ, bằng chuyên môn.
- ⑤ Đã đủ 24 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người có bằng Thạc sĩ hoặc bằng chuyên môn hành nghề theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường Sau đại học.

③ Khóa học Tiến sĩ (Y khoa, Nha khoa, một phần khóa học Dược, Thú y)

Tùy theo chương trình học mà hồ sơ nhập học có sự khác nhau nên hãy liên hệ với các trường trước khi nộp hồ sơ vào các khóa học Y khoa, Nha khoa, một phần khóa học Dược, Thú y.

2 Bản kế hoạch nghiên cứu

Bản kế hoạch nghiên cứu là bản ghi rõ đề tài và cách thức nghiên cứu như thế nào. Hầu hết các trường Sau đại học đều yêu cầu nộp bản kế hoạch nghiên cứu.

Nội dung như dưới đây.

- ① Mục đích nghiên cứu
- ② Bối cảnh nghiên cứu
- ③ Ý nghĩa
- ④ Phương pháp
- ⑤ Tài liệu tham khảo v.v.

Hình thức và số chữ được quy định khác nhau tùy từng trường. Về cơ bản, khoảng 2,000 chữ. Để viết bản kế hoạch nghiên cứu điều quan trọng là phải tìm kiếm luận văn liên quan tới lĩnh vực mà mình muốn nghiên cứu, những nghiên cứu đó đã tiến hành đến đâu, vấn đề còn lại là gì.

Điểm quan trọng khi đánh giá là:

- ① Nguyên vọng nghiên cứu
- ② Năng lực phát hiện vấn đề
- ③ Năng lực phân tích sự việc
- ④ Tư duy logic
- ⑤ Kiến thức chuyên môn

Tra cứu luận văn

• CiNii Articles

<http://ci.nii.ac.jp/>

※ Có thể xem các kênh thông tin công khai tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản (Trang 41)



● Phương pháp viết bản kế hoạch nghiên cứu thực tế

Bạn có thể học được cách viết bản kế hoạch nghiên cứu hoặc những điều cần chuẩn bị cho kỳ thi vấn đáp.

Tác giả: JASSO

Phát hành: Bonjinsha Co., Ltd.

(Phát hành tại Nhật)

3-1 Chọn trường

Thông tin Sau đại học (JASSO)

i https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

Tra cứu các trường Sau đại học (JAPAN STUDY SUPPORT)

i <http://www.jpss.jp/ja/>

3-2 Tìm Giáo sư hướng dẫn

Giáo sư hướng dẫn là người sẽ hướng dẫn Kế hoạch học tập và nghiên cứu, do đó về cơ bản phải tự tìm giáo sư hướng dẫn. Có trường yêu cầu tìm giáo sư hướng dẫn trước khi nộp hồ sơ rồi sau đó mới đồng ý tiếp nhận.

< Cách tìm giáo sư hướng dẫn >

- Nhờ giáo sư hướng dẫn của trường nơi bạn đã theo học giới thiệu giúp.
- Tìm thông tin trên báo, thông tin từ cựu du học sinh tại Nhật Bản, các nhà nghiên cứu tại nước mình.
- Tìm thông tin trên các trang website.
- Nhờ trường bạn muốn theo học giới thiệu giúp.

Tra cứu nhà nghiên cứu

• researchmap

i <http://researchmap.jp/search/>

• J-GLOBAL

i <http://jglobal.jst.go.jp/>

< Trường hợp liên lạc với giáo sư hướng dẫn và trường đại học >

Bạn cần viết rõ ràng, cụ thể thành quả nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu của mình và lý do chọn giáo sư đó, nếu có thêm thư tiến cử của giáo sư hướng dẫn của trường nơi bạn đã theo học là tốt nhất. Vì giáo sư chỉ có thể đánh giá năng lực của bạn dựa trên các giấy tờ nên bạn cần trao đổi với giáo sư nhiều lần để cho họ thấy được sự nhiệt huyết của bạn.

Tiếng nói từ các tiến bối

- Bạn có thể tham khảo cách viết email cho giáo sư hướng dẫn trong cuốn "Phương pháp viết bản kế hoạch nghiên cứu thực tế" đã giới thiệu ở trên.

4-1 Hồ sơ cần nộp

Nếu muốn học tiếp lên các khóa chính quy Sau đại học, có những trường yêu cầu phải dự thi trực tiếp, nhưng cũng có trường mong muốn bạn kết thúc khóa "nghiên cứu sinh" và học tiếp lên các khóa chính quy Sau đại học.

- ① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
- ② Bằng tốt nghiệp Đại học (Khoa) (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
- ③ Bằng Thạc sĩ (Giấy chứng nhận tạm thời) (Trường hợp Khóa học Tiến sĩ)
- ④ Bảng điểm của cấp học gần nhất
- ⑤ Thư tiến cử
- ⑥ Luận văn nghiên cứu (Luận văn tốt nghiệp) tại trường đã theo học và Bản tóm tắt Luận văn
- ⑦ Bản kế hoạch nghiên cứu
- ⑧ Giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.

4-2 Thời gian nộp hồ sơ

Hầu hết các trường tuyển sinh từ mùa hè đến tháng 10, tháng 11 và tháng 1. Thời gian nhập học cho hai đợt tuyển sinh trên thường vào tháng 4. Cũng có trường nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10.

4-3 Kỳ thi đầu vào

Các trường căn cứ các tiêu chí dưới đây để tuyển chọn. Tùy từng trường sẽ có cách thức thi tuyển khác nhau, hãy xem kỹ trên trang web của trường.

- ① Đánh giá hồ sơ (hồ sơ nộp)
- ② Kiểm tra học lực (Kiểm tra chuyên môn hoặc thi viết các môn được chỉ định)
- ③ Phỏng vấn (Trực tiếp hoặc online)
- ④ Viết tiểu luận, bài văn
- ⑤ Thi vấn đáp đối với các môn chuyên ngành (Trực tiếp hoặc qua điện thoại v.v.)

5 Sinh viên nghiên cứu/Nghiên cứu sinh (Research student) là gì?

Sinh viên nghiên cứu (âm Hán Việt là “Nghiên cứu sinh”) là những sinh viên không chính quy như dưới đây:

- ① Là người theo học để nghiên cứu trong thời gian ngắn không có mục đích lấy bằng (Chủ yếu là sau đại học)
- ② Là người theo học với tư cách là sinh viên du học ngắn hạn dựa trên hiệp định giao lưu giữa các trường đại học (Đại học, Sau đại học)
- ③ Là người theo học trong thời gian chuẩn bị nhập học khóa chính quy Sau đại học (Chủ yếu là sinh viên đã tốt nghiệp đại học)

Ghi chú: Nhiều trường cho phép nhập học chi thông qua đánh giá hồ sơ.

Tư cách lưu trú: Sinh viên nghiên cứu (“Nghiên cứu sinh”) muốn nhận được tư cách lưu trú “du học” cần tham gia giờ học ít nhất 10 giờ 1 tuần. Ngoài ra, nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu không có thù lao bất kể có nghe giảng hay không cần có tư cách lưu trú là “hoạt động văn hóa”.

6 Nghề chuyên môn Sau đại học là gì?

Là khóa đào tạo hướng tới việc bồi dưỡng những chuyên gia có năng lực chuyên môn cao, có thể trở thành nhà lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Có những nghề chuyên môn sau đại học tiêu biểu như: Hệ sau đại học khoa luật đào tạo chuyên gia luật, hệ sau đại học đào tạo giáo viên, ngoài ra còn có hệ sau đại học trong các lĩnh vực như thương mại và MOT, kế toán, chính sách công v.v. Có cả khóa MBA học bằng tiếng Anh.

7 Để hoàn thành khóa học

Khóa học	Bằng cấp đạt được	Số năm đào tạo tiêu chuẩn	Số tín chỉ đạt được	Khác
Khóa học Tiến sĩ	Tiến sĩ	5 năm	30 tín chỉ trở lên (bao gồm số tín chỉ tích lũy ở khóa học Thạc sĩ)	Đánh giá luận văn Tiến sĩ và đỗ trong kỳ thi
Khóa học Thạc sĩ	Thạc sĩ	2 năm	30 tín chỉ trở lên	Đánh giá luận văn Thạc sĩ và đỗ trong kỳ thi
Khóa cấp bằng chuyên ngành	Thạc sĩ (chuyên ngành)	2 năm	30 tín chỉ trở lên (số tín chỉ hệ sau đại học ngành luật và số tín chỉ hệ sau đại học ngành giáo dục khác nhau)	
	Tiến sĩ luật (chuyên ngành)	3 năm		
	Thạc sĩ giáo dục (chuyên ngành)	2 năm		

* Có trường hợp khóa học tiến sĩ sau đại học được chia làm 2 giai đoạn là giai đoạn đầu (2 năm) và giai đoạn sau (3 năm).

* Ngành Y khoa, nha khoa đào tạo 6 năm và ngành dược, thú y hệ 6 năm cần 4 năm đào tạo bắt buộc cho khóa học Tiến sĩ.



KHÓA HỌC BẰNG TIẾNG ANH ĐƯỢC CẤP BẰNG

Theo xu hướng toàn cầu hóa, để giảm bớt khó khăn về giờ học bắt buộc sử dụng ngôn ngữ tiếng Nhật, các trường Đại học và Sau đại học của Nhật Bản đã triển khai các “Chương trình cấp bằng chỉ học bằng tiếng Anh”. Tuy nhiên, tại các Trường kỹ thuật chuyên nghiệp, trường dạy nghề không có chương trình này.

1 Chọn trường

Những chương trình có thể nhận được bằng chỉ với giờ học bằng tiếng Anh (JASSO)

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

Tra cứu thông tin trường đại học, cao đẳng (JAPAN STUDY SUPPORT)

<http://www.jpss.jp/ja/>

2 Hồ sơ cần nộp

Ngoài những giấy tờ thông thường (xem trang 9, trang 11), nhiều trường hợp cần nộp thêm các giấy tờ sau:

- Chứng chỉ năng lực tiếng Anh (bảng điểm của các kỳ thi phổ biến như TOEFL®, IELTS v.v.).
- Bản chứng nhận năng lực học tập (hệ đại học cần bảng điểm của kỳ thi du học Nhật Bản (EJU), SAT, bảng điểm tốt nghiệp trung học phổ thông).

3 Phương pháp tuyển chọn

- Đánh giá hồ sơ
 - Phòng vấn (phòng vấn trực tiếp tại quốc gia, khu vực bạn đang sinh sống; phòng vấn online),
 - Khác
- (Điểm tiếng Anh cần đạt được)

	TOEFL iBT	IELTS
Sau đại học	75-80	6
Đại học	71-80	5.5-6

Top 3 trường đại học có tỷ lệ “giờ học hoàn toàn bằng tiếng Anh (trừ môn ngôn ngữ)” cao trong tổng số các giờ học

Thứ tự	Trường đại học	%
1	Akita International University (Akita Prefecture)	98.0
2	Ritsumeikan Asia Pacific University (Oita Prefecture)	88.9
3	Miyazaki International College (Miyazaki Prefecture)	40.3

Nguồn: Ghi chép của các địa phương dựa trên bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới bản tiếng Nhật

Số lượng các khóa học trong chương trình có thể nhận được bằng chỉ với giờ học bằng tiếng Anh

Lĩnh vực chuyên môn	Đại học	Sau đại học
Khoa học nhân văn	12	15
Khoa học xã hội	11	81
Giáo dục học	0	4
Khoa học tự nhiên	8	85
Kỹ thuật	17	265
Nông nghiệp, thủy sản, thú y	3	66
Y khoa, sức khỏe học	0	62
Khoa học cuộc sống	0	0
Nghệ thuật học	0	3
Khoa tổng hợp, liên ngành	16	65

Nguồn: Theo điều tra của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (tính đến thời điểm tháng 5/2017)

Lời khuyên

Tôi cũng muốn học tiếng Nhật!

Tùy từng trường sẽ có chương trình đào tạo tiếng Nhật cho du học sinh. Tuy nhiên, cũng có trường hợp số tín chỉ đó được chấp nhận hoặc không. Ngoài ra, đôi khi cần đóng phí nghe giảng riêng.

Tiếng nói từ các tiến bối

Mặc dù theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, nhưng nếu bạn có thể giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Nhật hoặc học chữ Hiragana, Katakana thì việc sinh hoạt ở Nhật sẽ dễ dàng hơn. Ngoài ra, đó cũng là một thuận lợi khi tìm việc.

Chương

2

Những điều cần biết về trường học, các kỳ thi

Khóa học bằng Tiếng Anh được cấp bằng

DU HỌC NGẮN HẠN, HỌC CHUYỂN TIẾP

1 Hãy tìm hiểu về du học ngắn hạn!

“Du học ngắn hạn” là du học từ khoảng vài tuần đến 1 năm với tư cách là “sinh viên không chính qui” không phải với mục đích nhận bằng cấp.

Ngôn ngữ sử dụng trong giờ học: có trường hợp dạy bằng tiếng Nhật, tiếng Anh hoặc đôi khi cả tiếng Nhật và tiếng Anh.

Hình thức khóa học: có trường hợp được xếp lớp riêng dành cho du học sinh ngắn hạn, nhưng phổ biến hơn cả là tham gia các giờ học trong khoa, bộ môn một cách bình thường.

Du học ngắn hạn có 5 đặc trưng tiêu biểu sau:

	Mô tả	Tin chi	Nơi đóng học phí	Liên hệ
① Du học trao đổi	Là chế độ du học tại các trường đại học có ký hiệp định trao đổi sinh viên.	Tin chi tích lũy ở trường bạn du học thông thường được chấp nhận ở trường bạn đang theo học trong phạm vi hiệp định giao lưu.	Thông thường là trường đang theo học (được miễn học phí tại trường bạn du học)	Trường trong nước đang theo học
② Chương trình khác ngoài “du học trao đổi”	Là chương trình mà du học sinh không thuộc trường có ký kết hiệp định giao lưu sinh viên cũng có thể tham gia. ※ 1	Tùy từng chương trình, có thể tích lũy tin chi hoặc không.	Thông thường là trường bạn du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học
③ Nghiên cứu sinh ※ 2	Đối với những sinh viên đã tốt nghiệp đại học, có thể nghiên cứu chuyên môn tại khoa sau đại học từ 6 tháng đến 1 năm với tư cách “nghiên cứu sinh”.	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học
④ Sinh viên dự thính ※ 2	Là chế độ tham dự giờ học với mục đích “dự thính”.	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học
⑤ Sinh viên tự do lựa chọn môn học ※ 2	Là chế độ tham dự giờ học với mục đích “tích lũy tin chi”.	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học

※ 1 Tra cứu các trường đại học có chương trình ngắn hạn (JASSO)

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

※ 2 Theo quy định, để có tư cách lưu trú “du học”, cả nghiên cứu sinh dự thính, sinh viên dự thính và sinh viên tự do lựa chọn môn học cần phải “dự thính ít nhất 10 tiếng trở lên trong 1 tuần”. Ngoài ra, bất kể có nghe giảng hay không, cần có tư cách lưu trú “hoạt động văn hóa” đối với nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu không có thù lao.

Q Có học bổng dành cho du học ngắn hạn không?

A Có những loại học bổng sau:

① **Học bổng chính phủ Nhật Bản (Monbukagakusho) dành cho du học sinh tiếng Nhật và du học sinh nghiên cứu văn hóa Nhật Bản.**

Đối tượng: sinh viên đang theo học tại các trường đại học (các khoa) và nghiên cứu các lĩnh vực liên quan tới tiếng Nhật, văn hóa Nhật Bản.

Số tiền cấp hàng tháng: 117,000 Yên

Liên hệ: ① Tiến cử bởi Đại sứ quán Nhật Bản: Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước sở tại

② Tiến cử bởi trường đại học: Trường đại học của Nhật đang theo học

② **Học bổng được cấp theo chế độ hỗ trợ du học nước ngoài (tiếp nhận theo hiệp định) của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)**

Đối tượng: sinh viên du học theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học.

Số tiền cấp hàng tháng: 80,000 Yên

Liên hệ: Trường trong nước đang theo học

Ngoài những học bổng trên, có trường hợp các trường đại học hoặc tổ chức sẽ cấp học bổng riêng, hãy hỏi trường nơi bạn du học để biết thêm thông tin chi tiết.

2 Hãy tìm hiểu về học chuyển tiếp, học liên thông!

Mặc dù có nhiều trường có chế độ học chuyển tiếp, học liên thông nhưng tình hình thực tế có nhiều thay đổi như sau:

● **Không phải năm nào cũng thực hiện.**

● **Không phải tất cả các khoa, các bộ môn đều thực hiện.**

● **Không nhất thiết sẽ công nhận số năm học đã hoàn thành hoặc số tin chi đã đạt được trước đó.**

Để học chuyển tiếp, học liên thông vào các trường đại học (khoa) cần đáp ứng một trong số các điều kiện sau:

• Đã tốt nghiệp trường cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp, người có bằng chuyên môn (người đã tốt nghiệp trường dạy nghề), người đã hoàn thành khoa chuyên môn của trường trung học phổ thông.

• Sinh viên đã hoàn thành chương trình đại học chính quy năm nhất trở lên và tích lũy đủ số tin chi theo yêu cầu, sinh viên đã tốt nghiệp đại học hệ 4 năm.

Thông tin về chế độ học chuyển tiếp, học liên thông ít hơn so với thông tin về kỳ thi nhập học thông thường. Hãy nhanh chóng hỏi trực tiếp các trường bạn có nguyện vọng học để biết thông tin chi tiết.

Tra cứu các trường đại học có chế độ học chuyển tiếp (JASSO)

i https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

TRƯỜNG KỸ THUẬT CHUYÊN NGHIỆP (KOSEN)

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp là cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông được gọi là "KOSEN". Tiến hành đào tạo cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trong vòng 5 năm (đối với ngành thương mại hàng hải là 5 năm rưỡi). Thông thường, du học sinh nước ngoài sẽ học liên thông vào năm thứ 3. Không chỉ trường quốc lập mà trường công lập và tư lập cũng có KOSEN.

1 Đặc thù đào tạo

- Là cơ sở đào tạo kỹ thuật viên thực hành có thể thích ứng nhanh chóng với khoa học kỹ thuật tiên tiến, học hỏi kỹ thuật mang tính ứng dụng trên thế giới trên cơ sở đào tạo lý thuyết năng cao kết hợp coi trọng thực nghiệm, thực tập và thực hành.
- Có nhiều môn chuyên ngành trong lĩnh vực công nghệ, ngoài ra còn có khoa thương mại hàng hải mục đích là đào tạo các thuyền viên.
- Sau khi hoàn thành khóa học 5 năm, người học có thể nhận được bằng "Bậc cao đẳng".
- Sau khi kết thúc khóa học 5 năm, còn có chế độ đào tạo nâng cao thêm 2 năm.
- Sau khi hoàn thành khóa chuyên ngành và vượt qua vòng đánh giá của Tổ chức hỗ trợ cải cách đại học và cấp học vi (NIAD-QE), người học có thể nhận bằng "cử nhân".

2 Điều kiện học liên thông

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau (trường hợp KOSEN quốc lập)

- ① Đã hoàn thành chương trình học 11 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
- ② Đỗ kỳ thi đánh giá học lực tương đương chương trình học 11 năm ngoài nước Nhật.
- ③ Đã hoàn thành chương trình học tại các trường dành cho người nước ngoài ở Nhật đã được chỉ định tương đương với trung học phổ thông tại nước ngoài.
- ④ Có bằng Tú tài quốc tế, bằng Abitur, bằng Tú tài Pháp.
- ⑤ Đã hoàn thành chương trình học 11 năm tại các trường dành cho người nước ngoài tại Nhật được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACISI) công nhận.
- ⑥ Đỗ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
- ⑦ Đáp ứng được một trong các điều kiện nhập học theo luật giáo dục ngoài các điều kiện trên.

3-1 Trường hợp du học bằng học bổng Chính phủ

Học bổng chính phủ Nhật Bản (Monbukagakusho) dành cho du học sinh trường KOSEN.

Liên hệ: Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước mình

3-2 Trường hợp du học tự túc

① Giấy tờ cần nộp

Giấy tờ cần nộp có mẫu thống nhất vì Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp tổ chức thi tuyển chọn chung cho các trường KOSEN quốc lập. Hãy kiểm tra thông tin trên trang web của Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp.

② Thi đầu vào

Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp sẽ đánh giá tổng hợp các mục dưới đây để quyết định đỗ, trượt.

- ① Đơn xin học
- ② Kết quả kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
- ③ Bảng điểm thi TOEFL®, IELTS hoặc TOEIC®
- ④ Đánh giá qua phỏng vấn

Phòng vấn cần được thực hiện ở Nhật.

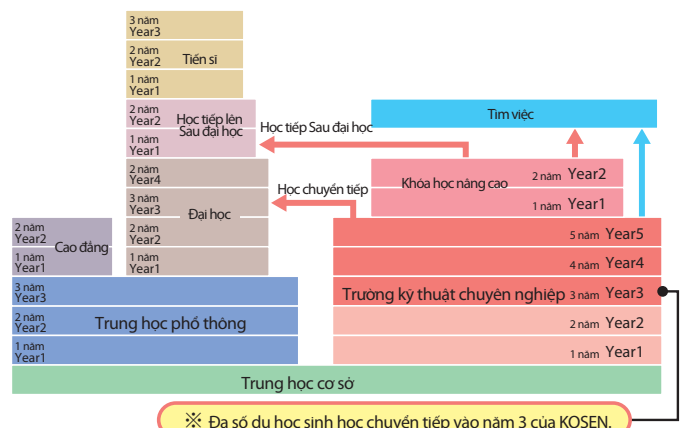
Dành cho các bạn có dự định du học KOSEN

(Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp quốc lập Trung tâm giao lưu quốc tế)

<http://ciex.kosen-k.go.jp/menuIndex.jsp?id=32333&menuid=7703&funcid=28>

4 Định hướng sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp KOSEN, có thể lựa chọn đi làm hoặc học lên. Có nhiều sinh viên học liên thông lên các trường đại học quốc lập



※ Đa số du học sinh học chuyển tiếp vào năm 3 của KOSEN.

TRƯỜNG DẠY NGHỀ (KHÓA CHUYÊN MÔN TRƯỜNG DẠY NGHỀ)

Trường dạy nghề còn được gọi là “trường chuyên môn” là một trong các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông có các khóa chuyên ngành trong trường dạy nghề. Là cơ sở giáo dục với mục đích nâng cao kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp và cuộc sống thực tế, rèn luyện kỹ thuật, kĩ năng và nâng cao trình độ văn hóa. Ngoài khóa đào tạo trên 2 năm có thể nhận được chứng chỉ “chuyên môn”, còn có các khóa đào tạo 4 năm trở lên có thể nhận được chứng chỉ “chuyên môn cao cấp” hướng tới việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cao hơn

1 Đặc thù đào tạo là?

Trường dạy nghề phân chia thành 8 chuyên ngành lớn là: ① Y khoa, ② Công nghiệp, ③ Văn hóa, đào tạo, ④ Thực tiễn thương mại, ⑤ An toàn vệ sinh, ⑥ Giáo dục, phúc lợi xã hội, ⑦ Thời trang, Công việc gia đình, ⑧ Nông nghiệp. Ví dụ, có thể học những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho các công việc dưới đây.

Nhà thiết kế nội thất, Kiến trúc sư, Kỹ sư hệ thống, thợ sửa ô tô, Điều dưỡng, Chuyên gia dinh dưỡng, Đầu bếp, thợ làm bánh, thợ làm tóc, Kế toán viên hành nghề chính thức, Thông dịch viên, Biên dịch viên, Tiếp viên hàng không, Nhân viên khách sạn, Người chăm sóc trẻ, Người giúp việc, Nhà thiết kế thời trang, Sản xuất phim hoạt hình, Đạo diễn phim, Nghệ sĩ biểu diễn, Thiết kế game, Nhà thiết kế trang sức v.v.

2 Năng lực tiếng Nhật cần thiết

Các giờ học ở trường dạy nghề đều dạy bằng tiếng Nhật nên sinh viên phải có năng lực tiếng Nhật.

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- ① Đã học tiếng Nhật 6 tháng trở lên tại cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.
- ② Đã đỗ N1 hoặc N2 trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) do Quỹ hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Japan Educational Exchanges and Services) và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation) tổ chức.
- ③ Đã từng học trên 1 năm tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông của Nhật.
- ④ Đạt 200 điểm trở lên (tổng điểm môn tiếng Nhật (đọc hiểu, nghe hiểu và nghe đọc hiểu)) trong kỳ thi du học Nhật Bản (EJU).
- ⑤ Đạt 400 điểm trở lên trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT do Hiệp hội kiểm tra năng lực chữ Hán tổ chức.

3 Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- ① Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
 - ② Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi kiểm tra học lực tương đương hoàn thành chương trình học 12 năm ngoài nước Nhật.
 - ③ Đủ 18 tuổi, hoàn thành việc học tại các trường dành cho người nước ngoài đã được chỉ định tại Nhật, tương đương với trường trung học phổ thông ngoài nước Nhật.
 - ④ Đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm ngoài nước Nhật, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định.
 - ⑤ Đủ 18 tuổi, có bằng Tú tài quốc tế, bằng Abitur, bằng Tú tài Pháp.
 - ⑥ Đủ 18 tuổi, đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các cơ sở giáo dục được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận.
 - ⑦ Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
 - ⑧ Đủ 18 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường.
 - ⑨ Đáp ứng được một trong các điều kiện nhập học theo luật giáo dục ngoài các điều kiện trên.
- ※ Từ ① ~ ③, nếu chương trình học không đủ 12 năm cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập.

4 Chọn trường

Trường dạy nghề Điểm quan trọng khi chọn trường!

① Trường được cấp phép chính thức	Là trường được Nhà chức trách của Tỉnh cấp phép hoạt động không? Nếu là trường không được cấp phép, sẽ không lấy được chứng chỉ “chuyên môn”.
② Nội dung đào tạo, số lượng giáo viên	Chương trình đào tạo thế nào? Tỷ lệ giáo viên và học sinh?
③ Cơ sở vật chất, thiết bị	Có trang bị cơ sở vật chất và trang thiết bị để thực hành về mặt kỹ thuật không? Hãy xác thực thông qua hình ảnh và tài liệu.
④ Hướng dẫn tìm việc, định hướng cho sinh viên sau tốt nghiệp	Phương châm hướng dẫn tìm việc? Nơi làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp?
⑤ Học phí	Năm đầu? Tổng số tiền tới lúc tốt nghiệp? Khi nào đóng học phí?
⑥ Đánh giá của mọi người	Hãy sử dụng mạng lưới liên lạc của sinh viên đã tốt nghiệp và du học sinh để hỏi

Tra cứu trường dạy nghề

(Hiệp hội các trường dạy nghề toàn quốc) <http://www.zensenkaku.gr.jp/association/index.html>
(Hiệp hội các trường dạy nghề Tokyo) <https://tsk.or.jp>

Danh sách các Trường dạy nghề tiếp nhận du học sinh (Hiệp hội đào tạo kỹ thuật và đào tạo nghề)

<http://www.sgec.or.jp/ryuugakuguide/>

5 Hồ sơ cần nộp

- ① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
- ② Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông
- ③ Bảng điểm của cấp học gần nhất
- ④ Giấy xác nhận tỷ lệ tham dự giờ học tại các cơ sở giáo dục tiếng Nhật, bảng điểm (trường hợp sống ở Nhật)
- ⑤ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật (trường hợp sống ở ngoài nước Nhật)
- ⑥ Giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.

6 Kỳ thi đầu vào

Tổ chức kết hợp nhiều vòng thi như: ① đánh giá hồ sơ, ② kiểm tra học lực, ③ phỏng vấn, ④ viết luận, ⑤ kiểm tra năng khiếu, ⑥ kiểm tra kỹ năng thực tế, ⑦ thi tiếng Nhật v.v.

Thi đầu vào tập trung đánh giá các yếu tố sau ① Mục đích vào học ② Có năng lực tiếng Nhật và học lực để theo học sau khi vào học không ③ Có ý muốn học tập không.

7 Để tốt nghiệp, hoàn thành khóa học

Chứng chỉ	Chuyên môn	Chuyên môn cao cấp
① Số năm đào tạo	2 năm trở lên	4 năm trở lên
② Số giờ học	1,700 tiếng trở lên	3,400 tiếng trở lên
③ Chứng nhận hoàn thành khóa học	Đánh giá thành tích thông qua các kỳ thi để chứng nhận hoàn thành khóa học	
④ Tổ chức khóa học	-	Khóa đào tạo được tổ chức một cách có hệ thống
⑤ Sau khi hoàn thành khóa học	Khi nhận được chứng chỉ “chuyên môn” được phép học chuyển tiếp lên đại học.	Khi nhận được chứng chỉ “chuyên môn cao cấp” được phép học chuyển tiếp lên sau đại học.

CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TIẾNG NHẬT

Là các cơ sở dạy tiếng Nhật cho đối tượng người nước ngoài. Tại các cơ sở đào tạo sau trung học phổ thông, về cơ bản hầu hết các môn đều được dạy bằng tiếng Nhật. Để có thể tham dự giờ học tại các trường tiếng Nhật cần đạt mức N1 hoặc N2 trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật. Trình độ này được cho là tương đương với mức học tiếng Nhật 600 ~ 900 tiếng trở lên. Tùy thuộc vào môi trường và sự nỗ lực của bản thân nhưng dù tập trung học ở Nhật thì cũng cần 1 hoặc 2 năm để đạt được trình độ đó.

Lời khuyên

Không có khóa đào tạo bằng tiếng Anh?

Khóa đào tạo bằng tiếng Anh được cấp bằng ngày càng tăng (Xin xem Khóa đào tạo bằng tiếng Anh được cấp bằng tại trang 13)

Khóa đào tạo bằng tiếng Anh được cấp bằng (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

1 Hãy xác nhận loại hình và số lượng!

Cơ sở giáo dục tiếng Nhật được phân loại dựa vào người/cơ quan thành lập, mục đích, điều kiện nhập học; tư cách lưu trú, số lượng trường, số lượng học sinh như sau:

	Trường tiếng Nhật		Các khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của các trường đại học, cao đẳng tư lập (khóa bekka) ※ 4
Người/Tổ chức thành lập	Các trường có tư cách pháp nhân (trường dạy nghề và các loại hình trường khác), quý lợi ích cộng đồng có tư cách pháp nhân, công ty cổ phần, tổ chức đoàn thể, cá nhân v.v.		Đại học, cao đẳng tư lập
Mục đích	① Học tiếng Nhật ※ 1 ② Học tiếng Nhật để học tiếp lên bậc cao hơn	② Học tiếng Nhật để học tiếp lên bậc cao hơn	① Học tiếng Nhật ② Học tiếng Nhật để học tiếp lên bậc cao hơn
Điều kiện nhập học	Người hoàn thành chương trình đào tạo bậc trung học 12 năm	Người chưa hoàn thành chương trình đào tạo bậc trung học 12 năm ※ 2	Người hoàn thành chương trình đào tạo bậc trung học 12 năm
Số lượng	487	25	59
Thời gian khóa học	1 ~ 2 năm (thông thường)		1 ~ 2 năm
Tư cách lưu trú	Du học ※ 3		Du học
Số lượng người đang theo học	81,878 người		Khoảng 5,400 người

- ※ 1 Có những khóa có thể học tiếng Nhật cần thiết trong sinh hoạt hoặc tiếng Nhật thương mại.
- ※ 2 Tùy vào hệ thống giáo dục của nước nhà, trường hợp quá trình đào tạo của các trường chính qui (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) không đủ 12 năm, trường hợp không hoàn thành khóa học được chỉ định thì không đủ điều kiện để nhập học vào các trường đại học của Nhật Bản v.v. Trong những trường hợp đó, nếu hoàn thành khóa đào tạo dự bị do Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định và đủ 18 tuổi thì sẽ đủ điều kiện nhập học. Trong khóa đào tạo dự bị ngoài môn tiếng Nhật, sẽ được học các môn cơ bản cần thiết cho việc nhập học vào đại học như toán, xã hội, khoa học tự nhiên v.v.

Khóa đào tạo dự bị do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html

- ※ 3 Việc nhận được tư cách lưu trú “du học” chỉ được giới hạn trong những cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.

Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định (Bộ Tư pháp)
http://www.moj.go.jp/nyuukokukanri/kouhou/nyukan_nyukanho_ho28-2.html

- ※ 4 Bekka là khóa đào tạo tiếng Nhật dành cho đối tượng du học sinh được gọi là khóa tiếng nhật dành cho du học sinh “Ryugaku Bekka” hoặc khóa tiếng Nhật đặc biệt “Nihongo Bekka” được thành lập ở các trường đại học, cao đẳng tư lập. Bạn sẽ được học tiếng Nhật, văn hóa Nhật Bản, tình hình Nhật Bản và các môn học cơ bản để học tiếp lên đại học. Nếu muốn học tiếp lên đại học, bạn có thể sử dụng chế độ tiến cử vào trường đại học có khóa Bekka, hoặc bạn có thể thi vào trường đại học khác. Ngoài ra, còn có một ưu điểm nữa là bạn có thể sử dụng thiết bị, dịch vụ trong trường.

2 Thời gian nộp hồ sơ và thời gian vào học

Tháng 4 ~ 9 / Tháng 10 ~ 2	Tập hợp hồ sơ, chuẩn bị hồ sơ, gửi bưu điện
Tháng 9 ~ 11 / Tháng 2 ~ 4	Nộp hồ sơ
Tháng 1 ~ 3 / Tháng 7 ~ 9	Thủ tục nhập cảnh, thủ tục nhập học
Tháng 4 / Tháng 10	Bắt đầu tiết học khóa 1-2 năm / Khóa 1 năm rưỡi

Hãy bắt đầu chuẩn bị trong khoảng thời gian dư giả ít nhất là trước 6 ~ 9 tháng
Ngoài ra, mặc dù ít nhưng cũng có một vài trường bắt đầu khóa học vào tháng 7 hoặc tháng 1

3 Hồ sơ cần nộp

- ① Đơn xin nhập học
- ② Sơ yếu lý lịch
- ③ Bảng điểm/Học bạ trung học phổ thông hoặc đại học
- ④ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
- ⑤ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính
- ⑥ Giấy tờ khác

Lời khuyên

Có thể chuyển trường không?

Về nguyên tắc không thể chuyển trường giữa các cơ sở giáo dục tiếng Nhật. Hãy xem thông tin trên trang web của trường, tài liệu hướng dẫn về trường, số tay giới thiệu trường hoặc hỏi ý kiến những sinh viên đã và đang học tại trường, thu thập thông tin và chọn trường một cách cẩn thận.

4 Hãy tìm trường!

Các trường chú trọng vào việc đánh giá hồ sơ, tuy nhiên cũng có trường tổ chức phỏng vấn thí sinh và người bảo lãnh hoặc tổ chức thi viết.

Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật Điểm quan trọng khi chọn trường!

① Visa du học	Có thỏa mãn tiêu chuẩn mà Bộ Tư pháp quy định không? (nếu không thỏa mãn thì không thể nhận được visa du học)
② Mục đích học là gì?	Giao tiếp hàng ngày? Học lên đại học? Tiếng Nhật thương mại?
③ Tổ chức lớp học	Có tiến hành chia lớp theo trình độ tiếng Nhật của học sinh không? Một lớp có bao nhiêu người?
④ Số lượng học sinh, giáo viên	Quy mô trường? Tỷ lệ học sinh và giáo viên?
⑤ Tỷ lệ học sinh đến từ các nước	Học sinh đến từ các nước sử dụng chữ Hán nhiều không? Có sự quan tâm tới học sinh đến từ các nước không sử dụng chữ Hán không?
⑥ Số giờ học	Tổng số giờ học hoặc số giờ học của từng môn?
⑦ Lớp luyện thi	Có tổ chức ôn thi du học Nhật Bản (EJU) hoặc năng lực tiếng Nhật (JLPT) không? Có giờ học của môn cơ bản (tiếng Anh, toán, khoa học tự nhiên, lịch sử thế giới, địa lý v.v.) không?
⑧ Tư vấn định hướng về học tập hoặc về sinh hoạt	Có tư vấn định hướng về học tập hoặc về sinh hoạt không?
⑨ Nơi học tiếp lên của học sinh tốt nghiệp	Nơi học tiếp lên của học sinh sau khi tốt nghiệp? Có thể vào các trường có nguyện vọng nhập học không?
⑩ Học phí	Số tiền có tương ứng với số giờ học, số lượng giáo viên, trang thiết bị không?
⑪ Thi đầu vào	Chỉ đánh giá hồ sơ? Có phỏng vấn người bảo lãnh hoặc người cần liên lạc tại Nhật không? Có tuyển chọn học sinh ngoài nước Nhật không?
⑫ Địa chỉ của trường	Ở thành phố lớn hay tỉnh lẻ? Có thể thích ứng với khí hậu nơi đó không?
⑬ Nơi ở	Trường có ký túc xá hoặc khu nhà ở dành cho học sinh không? Có tìm giúp phòng trọ không?

Tra cứu các cơ sở giáo dục tiếng Nhật (Hiệp hội Chấn hưng Giáo dục tiếng Nhật)

<http://www.nisshinkyo.org/search/>

Hội liên hiệp trường tiếng Nhật toàn quốc (JaLSA)

<http://www.jalsa.jp/>

Danh sách các khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của trường đại học, cao đẳng tư lập (JASSO)

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html

KỶ THI DU HỌC NHẬT BẢN (EJU)

Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) là kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật và trình độ kiến thức cơ bản (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, toán học) của những người có nguyện vọng du học đại học (khoa) của Nhật Bản.

Số lượng các trường sử dụng kết quả kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)

Đại học	438 trường
Cao đẳng	88 trường
Sau đại học	59 trường
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	51 trường
Trường dạy nghề	134 trường
Tổng cộng	770 trường

(Tinh đến thời điểm tháng 12 năm 2017)



Hơn nửa số trường đại học của Nhật (hầu như toàn bộ đại học quốc lập) sử dụng kết quả EJU để tuyển chọn sinh viên nhập học.

Cho dù cùng một trường đại học nhưng việc sử dụng kết quả EJU trong kỳ thi đầu vào tùy thuộc vào từng khoa nên hãy xác nhận xem khoa mình muốn vào học có cần kết quả EJU hay không tại trang web sau:

Các trường sử dụng kết quả kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) trong kỳ thi đầu vào



https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/use/

1 Thời gian thi khi nào?

Tháng 6 (Lần 1), tháng 11 (lần 2)

2 Địa điểm thi ở đâu?

Tại Nhật Bản: 16 thành phố

Ngoài nước Nhật: 17 thành phố thuộc 14 quốc gia, khu vực

Những thành phố (ngoài nước Nhật) tổ chức thi EJU:

Ấn Độ (New Delhi), Indonesia (Jakarta, Surabaya), Hàn Quốc (Seoul, Busan), Sri Lanka (Colombo), Singapore, Thái Lan (Bangkok), Đài Loan (Đài Bắc), Philippines (Manila), Việt Nam (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh), Hong Kong, Malaysia (Kuala Lumpur), Myanmar (Yangon), Mông Cổ (Ulaanbaatar), Nga (Vladivostok).

3 Các môn thi EJU

Lựa chọn môn thi theo yêu cầu của trường. Thí sinh không thể cùng lúc chọn thi môn khoa học tự nhiên và môn khoa học xã hội.

Môn thi	Mục đích	Thời gian	Thang điểm	Chọn môn	Ngôn ngữ thi
Tiếng Nhật	Đánh giá trình độ tiếng Nhật (Tiếng Nhật học thuật) cần có để học tập hoặc nghiên cứu tại các trường đại học của Nhật.	125 phút	Đọc hiểu, Nghe hiểu và nghe đọc hiểu 0~400 điểm Viết 0~50 điểm		Chỉ bằng tiếng Nhật
Học lực cơ bản	Khoa học tự nhiên	80 phút	0~200 điểm	Chọn 2 môn trong số các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học.	Tiếng Nhật hoặc tiếng Anh (lựa chọn)
	Khoa học xã hội	80 phút	0~200 điểm		
	Toán học	80 phút	0~200 điểm	Chọn 1 trong 2 chương trình, chương trình 1 (khoa học xã hội và khoa học tự nhiên sử dụng ít toán), chương trình 2 (sử dụng nhiều toán)	

(Ví dụ) Hướng dẫn tuyển sinh của trường đại học A (Chỉ định các môn thi EJU)

Khoa	Tiếng Nhật	Khoa học xã hội	Toán học	Khoa học tự nhiên				Ngôn ngữ thi đánh giá học lực cơ bản	Hiệu lực của kết quả
				Vật lý	Hóa học	Sinh học	Chọn môn		
Khoa luật	○	○	Chương trình 1					Tiếng Nhật	Kỳ thi tháng 6 hoặc tháng 11 năm 2018
Khoa công nghệ			Chương trình 2	○			Tự chọn 1 môn khác	Tiếng Anh	Kỳ thi tháng 6 năm 2018

4 Lịch trình

	Lần 1	Lần 2	
①	Nộp hồ sơ	Tháng 2~3 Tháng 7	Thí sinh mua "Hướng dẫn dự thi", nộp lệ phí thi và hồ sơ. ※ Thời gian nộp hồ sơ có thay đổi theo từng năm, hãy xác nhận kỹ.
②	Nhận phiếu dự thi	Tháng 5 Tháng 10	Gửi phiếu dự thi.
③	Ngày thi	Tháng 6 Tháng 11	Dự thi.
④	Nhận giấy báo kết quả	Tháng 7 Tháng 12	Gửi giấy báo kết quả. (Sau đó, JASSO sẽ cung cấp cho trường mà thí sinh nộp hồ sơ kết quả thi để đối chiếu).

※ 1 Tùy vào thành phố dự thi, thí sinh sẽ đăng ký bằng hình thức gửi bưu điện hoặc online. Cụ thể hãy xác nhận tại trang web sau:

i https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/procedure/application.html

5 Lợi ích của kỳ thi EJU

① Chế độ đăng ký nhận học bổng

Những du học sinh tự phí có kết quả thi EJU xuất sắc được nhận là sinh viên chính thức tại các trường đại học (khoa), cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp (từ năm 3 trở đi) hoặc trường dạy nghề đều có thể đăng ký nhận học bổng của JASSO (học bổng khuyến khích học tập dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (chế độ đăng ký chương trình xúc tiến tiếp nhận du học sinh).

Số tiền: 48,000 Yên / 1 tháng (Năm 2018)

Cách thức đăng ký: Đăng ký theo hướng dẫn khi nộp hồ sơ thi EJU.

Phương thức tuyển chọn: Tuyển chọn thí sinh có thành tích xuất sắc trong kỳ thi EJU

i https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/shoureihi/yoyakuseido/

② Không giới hạn số lần thi và độ tuổi! Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 2 năm

Bạn có thể dự thi EJU bao nhiêu lần cũng được. Không bị giới hạn về độ tuổi. Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 2 năm (có thể sử dụng kết quả tối đa 4 lần) nhưng chỉ có thể nộp 1 lần kết quả cho 1 trường. Nhiều trường sẽ chỉ định thời gian phải dự thi, cho nên cần xem kỹ hướng dẫn tuyển sinh của trường đó.

③ Có thể nhập học trước khi sang Nhật

Được phép nhập học mà không cần sang Nhật dự thi nếu sử dụng kết quả thi EJU.

Số trường sử dụng kết quả thi EJU và cho phép nhập học trước khi sang Nhật (khoảng 160 trường)

i https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/prearrival/

6 Đề thi EJU các năm trước

Mẫu đề thi các năm trước của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)

i https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/pastpaper_sample.html



● Đề thi kỳ thi du học Nhật Bản EJU có kèm CD nghe hiểu, nghe đọc hiểu

Đề thi EJU của các năm.

Biên soạn, biên tập: JASSO

Phát hành: Bonjinsha Co., Ltd. (Phát hành tại Nhật Bản và Hàn Quốc)

※ Có thể xem thông tin tại các cổng thông tin về tài liệu du học Nhật Bản (Trang 41)

Liên hệ

<Dự thi ở ngoài nước Nhật> **i** https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/contact/ (Cơ quan hợp tác tổ chức thi tại nước ngoài)

<Dự thi trong nước Nhật> Trung tâm tiếp nhận kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) TEL: 0570-55-0585 Email: eju@sdcj.co

※ Điện thoại từ ngoài nước Nhật

TEL: +81-42-649-9571

Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) (JASSO) **EJU**

i https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/

NHỮNG KỶ THI CẦN THIẾT KHI DU HỌC NHẬT BẢN

Hãy xác nhận hướng dẫn tuyển sinh của trường có nguyện vọng nhập học và tham dự các kỳ thi được chỉ định.

1 Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)

Là kỳ thi được tổ chức với mục đích đánh giá và cấp chứng chỉ năng lực tiếng Nhật cho những người có tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Nhật. Kỳ thi được tổ chức vào tháng 7 và tháng 12 ở cả trong và ngoài nước Nhật.

① Thi tại Nhật Bản

Japanese Language Learning Promotion Division, Japan Educational Exchanges and Services (JEES)

(Trung tâm tiếp nhận hồ sơ / Ngày thường: 9:30~17:30)

TEL : (+81) 3-6686-2974

<http://info.jees-jlpt.jp/>

② Thi ngoài nước Nhật

Quý giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)

FAX : (+81) 3-5367-1025

<http://www.jlpt.jp/>

2 Kỳ thi đại học toàn quốc

Là kỳ thi được tổ chức dành cho sinh viên Nhật Bản khi thi vào các trường đại học quốc lập, công lập hoặc một số trường đại học (khoa) tư lập. Đối với du học sinh nước ngoài, đa số các trường đại học không yêu cầu phải tham dự kỳ thi này, tuy nhiên một số khoa của một số trường đại học (chủ yếu là Y khoa, Nha khoa) sẽ yêu cầu dự thi.

National Center for University Entrance Examinations

<http://www.dnc.ac.jp/>

3 Những kỳ thi cần thiết khác khi du học Nhật Bản

- Kỳ thi chứng nhận năng lực tiếng Anh: TOEFL®, IELTS, TOEIC®, Đánh giá kỹ năng tiếng Anh thực tế (Kiểm tra tiếng Anh)
- Kỳ thi chứng nhận học lực sau khi hoàn thành giáo dục phổ thông:
SAT, ACT, International Baccalaureate Exams, kết quả thi đại học tại nước mình



Lý do tôi quyết định du học Nhật Bản!

Hãy lắng nghe kinh nghiệm của các Sempai!



Nguyễn Thị Tường Vân

Trường Nhật ngữ Aoyama



Việt Nam

Từ nhỏ mình đã rất thích chơi game của hãng Nintendo nên khi vào đại học mình đã bắt đầu học tiếng Nhật. Thế nhưng đi học một thời gian dài mình vẫn không thể giao tiếp bằng tiếng Nhật được. Do đó, dù mình có công việc tốt nhưng nó luôn trực trực vì trình độ giao tiếp kém cỏi. Và cứ như thế, càng ngày mình càng mất tự tin vào bản thân, trong lòng lúc nào cũng thấy khó chịu. Cuối cùng mình đã quyết định đi Nhật du học. Mình mong muốn thông qua việc du học mình sẽ học được cách diễn đạt những suy nghĩ trong lòng một cách tự nhiên hơn. Và, thông qua những kinh nghiệm có được từ việc du học, mình sẽ mở rộng được thế giới quan của bản thân.

Lúc mới đặt chân đến Nhật, nghe người Nhật nói chuyện mình chẳng hiểu gì cả. Sau đó nghe riết thành quen nên dần dần hiểu được người ta đang nói gì. Khi hiểu được mình thấy vui lắm. Vui còn hơn ai cho vàng cho bạc nữa. Thời gian trôi qua, không biết từ lúc nào mình thấy tự tin hơn nhiều, đến nỗi cảm giác như mình có thể hoàn thành tốt bất cứ công việc gì.

Giờ đây, mình cảm thấy vui hơn nữa vì mình quen được rất nhiều bạn mới.

Hiện tại mình đang học tiếng Nhật ở trường Nhật ngữ Aoyama. Bên cạnh đó mình cũng tìm hiểu, học thêm về văn hoá nước Nhật, học cách suy nghĩ, làm việc của người Nhật. Mình thấy rất hay và cực kì bổ ích. Được đi Nhật du học quả thật rất tuyệt!



Matilda Gustafson

Đại học Digital Hollywood



Thụy Điển

Trong trí nhớ của tôi, tôi cực kỳ thích văn hóa, đồ ăn, lịch sử và con người Nhật, đồng thời dành nhiều thời gian để học về nước Nhật. Khi có dịp, tôi muốn kết nối hai thành phố Leksand – quê hương thân yêu của tôi và một thị trấn nào đó của Hokkaido thành chị em kết nghĩa. Dù cho có đọc bao nhiêu sách về nước Nhật nhưng nếu không đến đó thì không thể nói được tiếng Nhật nên tôi đã quyết định vào học một trường tiếng Nhật của Tokyo. Ban đầu tôi chỉ định học 1 năm thôi nhưng vì quá yêu thích nước Nhật tôi đã ở lại tận 2 năm. Sau khi tốt nghiệp trường tiếng Nhật, tôi chợt nhận ra rằng mình nên thực hiện ước mơ trở thành một nhà thiết kế tại chính nước Nhật thì hơn, và thế là tôi quyết định thi vào đại học của Nhật. Đương nhiên, thế giới này chẳng phải lúc nào cũng toàn màu hồng, nhưng tôi không hề thấy hối hận. Và cuối cùng giấc mơ của tôi cũng trở thành hiện thực. Tôi tin rằng với nỗ lực của bản thân, trong tương lai tôi sẽ đạt được thành tựu rực rỡ ở chính nước Nhật.



Vladimir Marinov

Đại học Hokkaido



Bulgaria

Từ khi còn nhỏ tôi đã có hứng thú với nước Nhật. Thông qua chương trình trò chơi trên Tivi, tôi đã quen với rất nhiều người Nhật và nghe nhiều về những điểm tốt cũng như điểm xấu về nước Nhật. Vì thế tôi muốn đến Nhật và tự mình trải nghiệm. Tôi yêu thích môn vật lý nên khi có cơ hội du học Nhật bản, tôi đã quyết định tiếp tục nghiên cứu về vật lý. Khi tới Nhật, tôi đã cảm thấy lo lắng khi mình là một người nước ngoài. Liệu đất nước này có đón nhận một người nước ngoài như tôi không? Và rồi tôi rất ngạc nhiên khi nhận ra rằng người Nhật tốt bụng và khoan dung hơn cả những gì bạn bè tôi kể. Không có bất kỳ vấn đề gì với việc tôi là người nước ngoài ở nơi này. Sau khi xóa bỏ được lo lắng trong lòng thì tôi hoàn toàn bị thu hút bởi đất nước tuyệt vời này. Tôi mong muốn những kiến thức đã học được khi ở Nhật sẽ phát huy giá trị trong tương lai và mong rằng mình có thể đáp lại sự thân thiện hiếu khách của đất nước Nhật.



Sanjaya Albin

Khoa Công nghệ Đại học Sophia



Indonesia

Hồi cấp 3, tôi đã được biết rằng Nhật Bản là nước công nghiệp hóa đầu tiên ở châu Á. Tôi tin rằng với hình ảnh một nước Nhật an toàn và phát triển hòa bình như ngày nay, tôi sẽ tìm ra được phương án tối ưu để đạt được nguyện vọng của bản thân nếu học ở Nhật. Sự bao dung của nhiều người Nhật đối với những thay đổi (đương nhiên cũng còn những mặt bảo thủ) không được nhấn mạnh nhưng nó rất hiệu quả khi thu hút sự chú ý của thế giới không chỉ bởi việc cấp học bổng. Ngoài ra, Nhật Bản là quốc gia châu Á đầu tiên có kinh nghiệm đối với vấn đề suy giảm dân số. Chính vì thế, bản thân tôi rất muốn học hỏi thêm về đất nước mặt trời mọc nơi tình hình dân số khác biệt hoàn toàn với nước tôi.

Chương

2

Những điều cần biết về trường học, các kỳ thi

Những kỳ thi cần thiết khi du học Nhật Bản

THỦ TỤC NHẬP CẢNH

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Tư pháp <http://www.immi-moj.go.jp/>

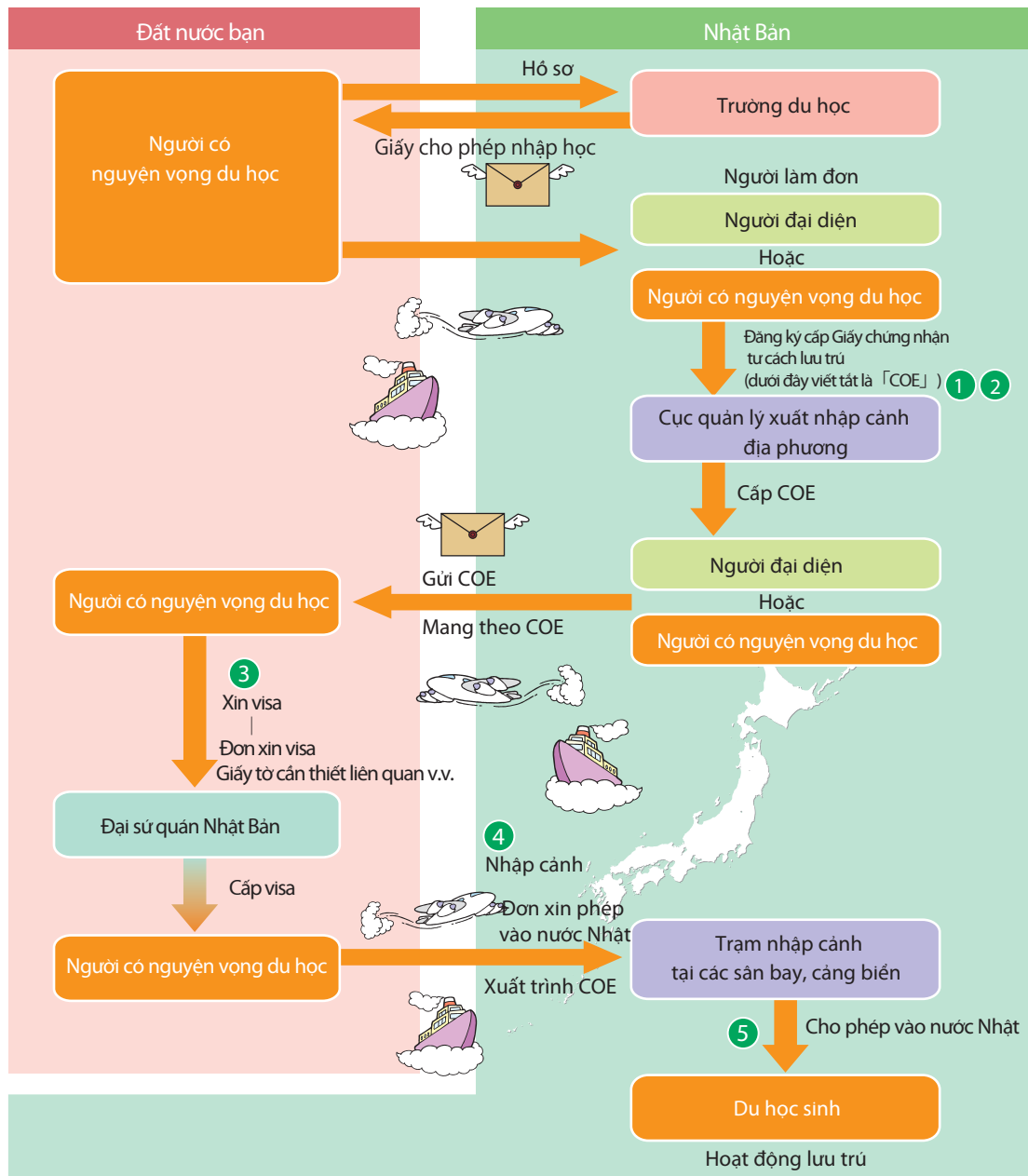
Visa (thị thực) và tư cách lưu trú

Trước khi nhập cảnh vào nước Nhật phải xin được visa. Có nhiều loại visa và tư cách lưu trú được quyết định dựa vào mục đích đến Nhật hoặc thân phận, địa vị của người nước ngoài. Tư cách lưu trú để học ở các trường đại học, cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp, trường dạy nghề, cơ sở giáo dục tiếng Nhật của Nhật là “du học”. Thời gian lưu trú là 4 năm 3 tháng, 4 năm, 3 năm 3 tháng, 3 năm, 2 năm 3 tháng, 2 năm, 1 năm 3 tháng, 1 năm, 6 tháng hoặc 3 tháng.

Để xin visa có 2 cách là nộp “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)” và cách thứ 2 là không nộp. Nếu nộp “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)” thì thời gian làm thủ tục được rút ngắn hơn.

! Nhiều trường hợp khi đăng ký học bổng hay đăng ký nhà ở bạn phải có tư cách lưu trú là “du học”.

Cách thức tiến hành thủ tục nhập cảnh khi có Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)



1 Xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)

Người có nguyện vọng du học (người làm đơn) hoặc người đại diện (ví dụ như người thân của người làm đơn hoặc nhân viên của cơ sở giáo dục tiếp nhận du học sinh) sẽ làm đơn gửi lên Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương trong nước Nhật để xin cấp “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)”.

Người có nguyện vọng du học có thể trực tiếp làm đơn xin cấp nhưng phần lớn các cơ sở giáo dục tiếp nhận du học sinh sẽ đại diện làm việc này. Hãy hỏi trường bạn sẽ nhập học để biết rõ về giấy tờ cần thiết.

2 Giấy tờ chứng minh năng lực chi trả kinh phí trong thời gian ở Nhật

Khi xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú hoặc visa, có những trường hợp yêu cầu phải nộp giấy tờ chứng minh bạn đã chuẩn bị đủ kinh phí cho những phát sinh trong thời gian du học tại Nhật.

Thông thường, cần những giấy tờ như: Giấy chứng nhận số dư tiền gửi ngân hàng của người chi trả kinh phí, Giấy chứng nhận thu nhập của các năm trước, Giấy chứng nhận nộp thuế v.v. Trường hợp người nước ngoài có nguyện vọng du học nhưng tự mình không thể chi trả các khoản kinh phí, thông thường người giám hộ sẽ trở thành người bảo lãnh tài chính.

3 Giấy tờ cần thiết xin cấp visa

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE), bạn sẽ làm thủ tục xin cấp visa tại Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài ở nước bạn.

[Giấy tờ cần thiết]

- ① Hộ chiếu (Passport)
- ② Đơn xin cấp visa
- ③ Ảnh
- ④ Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)
- ⑤ Giấy tờ khác trong trường hợp được yêu cầu xuất trình

4 Nhập cảnh vào Nhật Bản

Khi nhập cảnh cần những giấy tờ sau:

[Giấy tờ cần thiết]

- ① Hộ chiếu (Passport)
- ② Giấy phép do Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài cấp (Visa)
- ③ Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) (Trường hợp đã được cấp)

5 Thẻ cư trú

Thẻ cư trú (RESIDENCE CARD) được cấp cho người nước ngoài có thời gian lưu trú trên 3 tháng. Bạn luôn phải mang theo Thẻ cư trú bên người.

[Cấp Thẻ cư trú]

Trường hợp nhập cảnh ở sân bay Shin - Chitose, Narita, Haneda, Chubu, Kansai, Hiroshima, Fukuoka:

Khi làm thủ tục nhập cảnh sẽ được dán nhãn “được phép vào nước Nhật” vào hộ chiếu và được cấp Thẻ cư trú. Sau khi quyết định chỗ ở chính thức ở Nhật, trong vòng 14 ngày, bạn phải mang Thẻ cư trú đến trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống để đăng ký làm công dân của địa phương đó.

Trường hợp nhập cảnh không phải từ các sân bay trên:

Khi nhập cảnh, sẽ được dán nhãn “được phép vào nước Nhật” hoặc được đóng dấu “Thẻ cư trú cấp sau” vào hộ chiếu. Sau khi quyết định chỗ ở chính thức, trong vòng 14 ngày, bạn phải mang hộ chiếu đã được đóng dấu “Thẻ cư trú cấp sau” tới trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống. Thẻ cư trú sau khi nộp cho cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống để đăng ký làm công dân, sẽ được gửi trả lại bằng đường bưu điện cho bạn theo địa chỉ cư trú mà bạn đã đăng ký.



Thẻ cư trú

6 My Number (Mã số thuế và bảo hiểm xã hội)

Khi đăng ký là cư dân tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống, dù là người nước ngoài, bạn vẫn sẽ được gửi thẻ thông báo mã số cá nhân (My Number). Một My Number chỉ được cấp cho 1 người và cần khi làm thủ tục tại các cơ quan chính quyền. Thẻ gồm 12 số, khác với 12 số ghi trên Thẻ cư trú.

My Number được yêu cầu xuất trình trong những trường hợp dưới đây, hãy cất giữ cẩn thận “Thẻ thông báo mã số” và “Thẻ cá nhân” vì có ghi mã số cá nhân trên đó.

- Khi làm thủ tục tại các cơ quan chính quyền
- Khi làm thêm



Thẻ thông báo mã số

7 Thủ tục sang Nhật dự thi

Trường hợp đến Nhật để dự thi, trước khi sang Nhật, cần mang Phiếu dự thi đến Cơ quan ngoại giao của Nhật ở nước ngoài để xin cấp visa “lưu trú ngắn hạn”. Thời gian có thể lưu trú là 30 ngày hoặc 90 ngày. Tuy nhiên, đối với các nước thuộc đối tượng được miễn visa thì bạn không cần làm thủ tục xin cấp visa.

8 Giấy phép làm thêm

Tư cách lưu trú “du học” cho phép bạn đến Nhật để học tập chứ không phải làm việc. Tuy nhiên, khi bạn đi làm thủ tục và nhận được giấy phép làm thêm của Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương bạn có thể đi làm thêm.

Với tư cách lưu trú “du học”, nếu thời gian lưu trú vượt quá 3 tháng, khi tái nhập cảnh, có thể xin “Giấy phép lưu trú đặc biệt” (tham khảo trang 34 Làm thêm). Hãy nộp đơn lên Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương v.v. để xin “Giấy phép lưu trú đặc biệt” sau khi tới Nhật. Tuy nhiên, tùy từng trường sẽ không cho phép làm thêm để sinh viên có thể tập trung vào việc học, do đó hãy xác nhận với trường bạn có nguyện vọng vào học.

9 Thủ tục về nước tạm thời

Du học sinh nếu muốn về nước một thời gian hoặc sang nước khác cần nhận được giấy phép tái nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương v.v. (hoặc ở một số sân bay) trước khi rời khỏi Nhật Bản.

Hãy lưu ý rằng nếu không nhận được giấy phép tái nhập cảnh, bạn cần xin cấp lại visa tại Cơ quan ngoại giao của Nhật Bản tại nước ngoài. Tuy nhiên, những người cư trú thời gian dài có hộ chiếu (passport) còn hiệu lực và Thẻ cư trú, khi rời Nhật Bản và có ý định quay trở lại trong vòng 1 năm kể từ ngày xuất cảnh (đánh dấu vào cột được chỉ định trong Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh v.v.) về nguyên tắc không cần xin phép tái nhập cảnh (thời hạn lưu trú của người đó dưới 1 năm thì được phép tái nhập cảnh theo thời hạn lưu trú).

⚠ Trước khi rời khỏi Nhật Bản, nhất định phải xuất trình Thẻ cư trú và đánh dấu vào cột được chỉ định trong Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh.



Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh

10 Gia hạn thời gian lưu trú

Nếu quá thời gian lưu trú cho phép nhập cảnh, trường hợp muốn tiếp tục ở lại Nhật Bản, phải xin phép gia hạn thời gian lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương. Nếu quá thời gian lưu trú (thông thường cần nộp đơn xin gia hạn trước khi hết hạn lưu trú khoảng 3 tháng) sẽ bị coi là lưu trú bất hợp pháp và sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

⚠ Nếu quên không gia hạn sẽ vi phạm luật lưu trú dẫn đến bị đuổi học hoặc không thể nhận được học bổng nữa.

11 Thay đổi tư cách lưu trú

Khi kết thúc hoạt động hiện tại và muốn tiến hành các hoạt động với tư cách lưu trú khác, phải nhận được sự cho phép thay đổi tư cách lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương.



Nếu tiến hành các công việc phát sinh thu nhập hoặc các hoạt động nhận được tiền công mà không có sự cho phép, sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

12 Tước bỏ tư cách lưu trú

Trường hợp người làm đơn khai báo giả các hoạt động, lý lịch hoặc làm giả giấy tờ v.v. sẽ bị tước bỏ tư cách lưu trú.



Mặc dù có tư cách lưu trú “du học” nhưng không tiến hành các hoạt động tương ứng với tư cách lưu trú đó 3 tháng trở lên ví dụ như không đi đến trường học v.v. sẽ bị tước bỏ tư cách lưu trú trừ trường hợp có lý do chính đáng.

13 Mời người thân sang Nhật

Vợ (chồng) hoặc con cái của du học sinh có tư cách lưu trú “du học” và đang học tại trường đại học v.v. có thể lưu trú tại Nhật với tư cách “lưu trú gia đình” tương ứng với thời gian lưu trú của du học sinh đó.

Bản thân du học sinh khi đã quen với cuộc sống bên Nhật và chuẩn bị sẵn sàng bao gồm cả mặt kinh tế hãy mời người thân sang Nhật.



Bạn cần đặc biệt lưu ý nếu người thân của bạn sang Nhật với visa “lưu trú ngắn hạn (Temporary visitor)” (hay còn gọi là “visa du lịch”) thì khó chuyển đổi sang tư cách lưu trú “lưu trú gia đình (Dependent)”.

14 Xin phép Cục quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan của chính quyền địa phương

Trường hợp thay đổi tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch hoặc chuyển nơi học tập như chuyển sang trường khác v.v. trong vòng 14 ngày phải nộp đơn lên Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương. Ngoài ra, nếu thay đổi nơi ở cần nộp đơn chuyển đi hoặc chuyển đến cho cơ quan của chính quyền địa phương.



KINH PHÍ CẦN THIẾT KHI DU HỌC

Nếu tính toán chi tiết tổng số tiền cần thiết khi du học và lập kế hoạch tài chính rõ ràng bao gồm cả ngân sách cá nhân thì bạn sẽ có cuộc sống ổn định sau khi du học. Hãy thử cùng tính toán những kinh phí du học cần thiết để kiểm tra xem kế hoạch du học có khả thi hay không.

		Ước tính (Đại học quốc lập hệ 4 năm)		Hãy tính toán số tiền bạn cần!
Kinh phí cần thiết trước khi nộp hồ sơ	Lệ phí thi của các kỳ thi như EJU, JLPT, TOEFL® v.v.	28,080 yên/ 246 USD	Trường hợp dự thi EJU 2 lần (2 môn trở lên) trong nước Nhật	Yên
	Phí xét tuyển của trường mà bạn có nguyện vọng du học	17,000 yên/ 149 USD	Trường hợp nộp hồ sơ vào 1 trường đại học quốc lập	Yên
	Phí khám sức khỏe (tùy từng trường)	6,000 yên/ 52.6 USD	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	Yên
	Phí gửi hồ sơ (tùy từng trường)	2,000 yên/17.5 USD	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	Yên
Kinh phí để tham dự các kỳ thi đầu vào	Vé máy bay và phí lưu trú	100,000 yên/877 USD	Khác nhau tùy theo từng quốc gia và lịch trình lưu trú	Yên
	Phí làm Passport (Hộ chiếu)	12,000 yên/105 USD	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	Yên
	Phí xin visa	5,000 yên/43.9 USD	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	Yên
Kinh phí cần thiết sau khi quyết định nhập học	Vé máy bay	70,000 yên/614 USD	Khác nhau tùy theo từng quốc gia	Yên
	Phí lưu trú (phí trọ khách sạn cho tới khi quyết định được chỗ ở chính thức)	30,000 yên/263 USD	Khác nhau tùy theo lịch trình lưu trú	Yên
	Phí nhập học	282,000 yên/ 2474 USD	Đại học quốc lập	Yên
	Học phí năm đầu tiên	535,800 yên/ 4700 USD	Đại học quốc lập	Yên
	Chi phí đi lại để đến trường	48,000 yên/421 USD	Tổng số tiền trong 12 tháng dựa theo "Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tư phí nước ngoài năm 2015" (JASSO)	Yên
	Tiền ăn	300,000 yên/2631USD		Yên
	Tiền trọ	372,000 yên/ 3263 USD		Yên
	Tiền điện và nhiên liệu (điện, ga, nước)	84,000 yên/736.8 USD		Yên
	Bảo hiểm, chi phí y tế	24,000 yên/210 USD		Yên
	Sở thích cá nhân, giải trí	72,000 yên/631.6 USD		Yên
Tiền vặt	84,000 yên/736.8 USD	Yên		
Tổng cộng	2,071,880 yên 18,174 USD			Yên

Sau khi tính tổng số tiền, hãy thử xác nhận xem tiền tiết kiệm, tiền học bổng, tiền làm thêm có đủ chi trả những chi phí đó không.

CHI PHÍ SINH HOẠT, GIÁ CẢ

1 Tiền tệ và giá cả

Đơn vị tiền tệ của Nhật là Yên (JPY). Có thể thanh toán bằng thẻ tín dụng tại một số cửa hàng nhưng nếu số tiền thanh toán thấp thì việc trả bằng tiền mặt phổ biến hơn cả. Séc ít được sử dụng trong các chi trả thường ngày.



◆ Giá cả của các hàng hóa thiết yếu

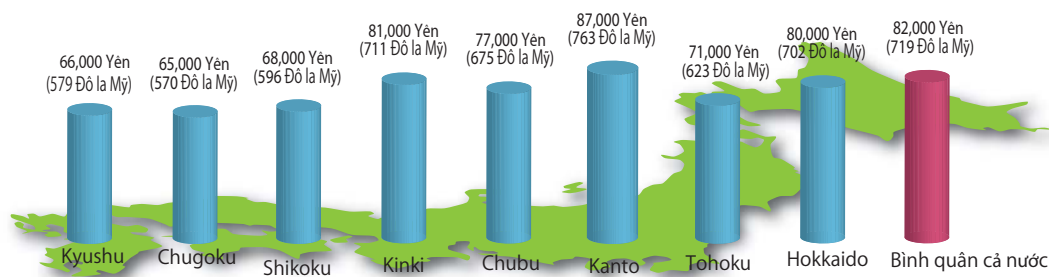
1 Đô la Mỹ = 114 Yên

	Gạo (5kg)	2,137 Yên (19 Đô la Mỹ)		Nước uống có ga (lon 500ml)	97 Yên (1 Đô la Mỹ)
	Bánh mì (1kg)	435 Yên (4 Đô la Mỹ)		Hamburger	174 Yên (2 Đô la Mỹ)
	Sữa (1,000 ml)	223 Yên (2 Đô la Mỹ)		Xăng (1l)	132 Yên (1 Đô la Mỹ)
	Trứng	248 Yên (2 Đô la Mỹ)		Giấy vệ sinh (12 cuộn)	279 Yên (2 Đô la Mỹ)
	Táo (1kg)	497 Yên (4 Đô la Mỹ)		Vé xem phim	1,800 Yên (16 Đô la Mỹ)
	Bắp cải (1kg)	244 Yên (2 Đô la Mỹ)		Taxi (4km)	1,450 Yên (13 Đô la Mỹ)

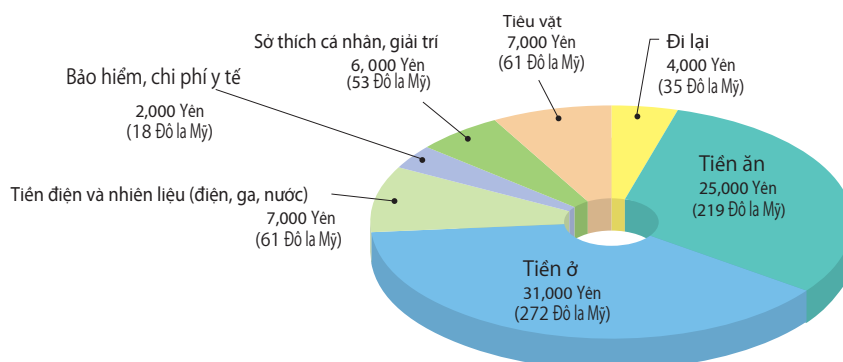
Nguồn: "Thông tin tổng hợp Cục thống kê chính phủ"

2 Chi phí sinh hoạt

Chi phí sinh hoạt trong 1 tháng (không bao gồm học phí) của một du học sinh nước ngoài được liệt kê như biểu đồ dưới đây. Chi phí sinh hoạt ở các thành phố lớn cao hơn so với các tỉnh lẻ.



◎ Chi tiết các khoản chi tiêu trong 1 tháng (không bao gồm học phí) (Bình quân cả nước)



Nguồn: "Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tự phí nước ngoài năm 2015" (JASSO)
1 Đô la Mỹ = 114 Yên

HỌC PHÍ

Học phí các trường đại học của Nhật không cao so với các nước như Mỹ hay Anh. Tổng số tiền nhập học và học phí trong 1 năm của trường đại học quốc lập là 820,000 Yên (7,200 Đô la Mỹ), đại học công lập là 930,000 Yên (8,200 Đô la Mỹ) và đại học tư lập từ 1,100,000 Yên (9,700 Đô la Mỹ) đến 1,650,000 Yên (14,500 Đô la Mỹ) (trừ ngành y khoa, nha khoa và dược). Ngoài ra, so với các nước khác, chế độ học bổng, chế độ miễn hoặc miễn giảm học phí cũng nhiều hơn.

Học phí năm đầu bao gồm phí nhập học, tiền học, tiền trang thiết bị, cơ sở vật chất v.v. Ngoài ra, phí nhập học chỉ cần đóng trong năm đầu.

Học phí trung bình của năm đầu (1 Đô la Mỹ = 114 Yên)

● Sau đại học

Sau đại học	Tổng số tiền năm đầu				Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp※1		
	Phí nhập học (chi năm đầu)	Học phí	Tổng cộng		Tổng cộng		
	Yên	Yên	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ	
Quốc lập (Khóa học Thạc sĩ)	282,000	535,800	817,800	7,174	1,353,600	11,874	
Công lập (Khóa học Thạc sĩ)	363,666	537,937	901,603	7,909	1,439,540	12,628	
Tư lập (Khóa học Thạc sĩ)	Nghệ thuật	218,171	1,200,295	1,418,466	12,443	2,618,761	22,972
	Kỹ thuật	223,766	955,317	1,179,083	10,343	2,134,400	18,723
	Sức khỏe	248,905	879,148	1,128,053	9,895	2,007,201	17,607
	Khoa học	213,222	856,464	1,069,686	9,383	1,926,150	16,896
	Nông nghiệp, Thú y	220,046	796,582	1,016,628	8,918	1,813,210	15,905
	Dược	229,211	797,000	1,026,211	9,002	1,823,211	15,993
	Kinh tế gia đình	238,783	725,304	964,087	8,457	1,689,391	14,819
	Giáo dục	207,671	731,496	939,167	8,238	1,670,663	14,655
	Khoa học xã hội	221,118	698,280	919,398	8,065	1,617,678	14,190
	Y học	195,769	671,914	867,683	7,611	1,539,597	13,505
	Khoa học nhân văn	209,638	642,888	852,526	7,478	1,495,414	13,118
Quốc lập (Khóa học Tiến sĩ)	282,000	535,800	817,800	7,174	1,889,400	16,574	
Công lập (Khóa học Tiến sĩ)	363,666	537,937	901,603	7,909	1,977,477	17,346	
Tư lập (Khóa học Tiến sĩ)	Nghệ thuật	229,500	1,074,679	1,304,179	11,440	3,453,537	30,294
	Sức khỏe	258,033	788,637	1,046,670	9,181	2,623,944	23,017
	Khoa học	215,051	775,617	990,668	8,690	2,541,902	22,297
	Nông nghiệp, Thú y	220,853	796,354	1,017,207	8,923	2,609,915	22,894
	Kỹ thuật	214,354	788,154	1,002,508	8,794	2,578,816	22,621
	Kinh tế gia đình	240,309	720,909	961,218	8,432	2,403,036	21,079
	Dược	189,246	707,962	897,208	7,870	2,313,132	20,291
	Giáo dục	214,912	686,639	901,551	7,908	2,274,829	19,955
	Nha khoa	232,075	662,477	894,552	7,847	2,219,506	19,469
	Khoa học xã hội	213,134	608,014	821,148	7,203	2,037,176	17,870
	Khoa học nhân văn	216,449	583,339	799,788	7,016	1,966,466	17,250
Y học	178,124	521,501	699,625	6,137	1,742,627	15,286	

※ 1 Khóa học Thạc sĩ bao gồm phí nhập học và học phí 2 năm; Khóa học Tiến sĩ bao gồm phí nhập học khi vào học Khoa học Thạc sĩ và học phí 3 năm.

● Đại học (Khoa)

Đại học (Khoa)	Tổng số tiền năm đầu				Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp※2		
	Phí nhập học (chi năm đầu)	Học phí	Tổng cộng		Tổng cộng		
	Yên	Yên	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ	
Quốc lập	282,000	535,800	817,800	7,174	2,425,200	21,274	
Công lập	394,225	538,294	932,519	8,180	2,547,401	22,346	
Tư lập	Y khoa	1,286,995	3,809,310	5,096,305	44,704	24,142,855	211,779
	Nha khoa	563,403	3,725,836	4,289,239	37,625	22,918,419	201,039
	Dược	341,880	1,740,140	2,082,020	18,263	10,782,720	94,585
	Nghệ thuật	258,455	1,392,805	1,651,260	14,485	5,829,675	51,138
	Sức khỏe	278,002	1,229,008	1,507,010	13,219	5,194,034	45,562
	Khoa học kỹ thuật	246,519	1,185,875	1,432,394	12,565	4,990,019	43,772
	Nông nghiệp, Thú y	250,909	1,109,137	1,360,046	11,930	4,687,457	41,118
	Thể dục	259,550	1,017,009	1,276,559	11,198	4,327,586	37,961
	Kinh tế gia đình	260,784	989,361	1,250,145	10,966	4,218,228	37,002
	Văn học, Giáo dục	241,007	932,436	1,173,443	10,293	3,970,751	34,831
	Phúc lợi xã hội	218,800	930,200	1,149,000	10,079	3,939,600	34,558
	Luật, Thương mại, Kinh tế	237,256	884,943	1,122,199	9,844	3,777,028	33,132
	Thần học, Phật giáo	229,978	869,257	1,099,235	9,642	3,707,006	32,518

※ 2 Y khoa, Nha khoa, Dược hệ tư lập bao gồm phí nhập học và học phí 6 năm; các ngành khác bao gồm phí nhập học và học phí 4 năm.

● Cao đẳng

Cao đẳng		Tổng số tiền năm đầu				Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp※3	
		Phi nhập học (chi năm đầu)	Học phí	Tổng công		Tổng công	
		Yên	Yên	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ
Tư lập	Nghệ thuật	256,250	1,092,751	1,349,001	11,833	2,441,752	21,419
	Kỹ thuật	212,359	1,032,333	1,244,692	10,918	2,277,025	19,974
	Khoa học, nông nghiệp	218,148	913,367	1,131,515	9,926	2,044,882	17,938
	Nhân văn	247,530	846,906	1,094,436	9,600	1,941,342	17,029
	Giáo dục, Mầm non	250,697	850,396	1,101,093	9,659	1,951,489	17,118
	Kinh tế gia đình	245,205	853,519	1,098,724	9,638	1,952,243	17,125
	Luật, Thương mại, Kinh tế, Xã hội	237,631	843,356	1,080,987	9,482	1,924,343	16,880
	Thể dục	238,571	804,858	1,043,429	9,153	1,848,287	16,213

※ 3 Bao gồm phí nhập học và học phí 2 năm.

● Trường kỹ thuật chuyên nghiệp

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp		Tổng số tiền năm đầu				Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp※4	
		Phi nhập học (chi năm đầu)	Học phí	Tổng công		Tổng công	
		Yên	Yên	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ
Quốc lập		84,600	234,600	319,200	2,800	788,400	6,916

※4 Bao gồm phí nhập học và học phí 3 năm.

● Trường dạy nghề

Trường dạy nghề		Tổng số tiền năm đầu				Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp※5	
		Phi nhập học (chi năm đầu)	Học phí	Tổng công		Tổng công	
		Yên	Yên	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ
Tư lập	Vệ sinh	161,250	1,326,000	1,487,250	13,046	2,813,250	24,678
	Y tế	249,857	1,122,286	1,372,143	12,036	2,494,429	21,881
	Công nghiệp	190,000	1,072,667	1,262,667	11,076	2,335,333	20,485
	Nông nghiệp	180,000	1,041,000	1,221,000	10,711	2,262,000	19,842
	Giáo dục, Phúc lợi xã hội	151,250	1,008,250	1,159,500	10,171	2,167,750	19,015
	Thực tiễn thương mại	147,222	995,750	1,142,972	10,026	2,138,722	18,761
	Văn hóa, Giáo dục	126,000	1,016,667	1,142,667	10,023	2,159,333	18,942
	Máy mặc, Kinh tế gia đình	185,000	857,000	1,042,000	9,140	1,899,000	16,658

※5 Bao gồm phí nhập học và học phí 2 năm.

● Cơ sở giáo dục tiếng Nhật

Khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của các trường đại học, cao đẳng tư lập	Học phí	
	Yên	Đô la Mỹ
Khóa học 1 năm	400,000 ~ 850,000	3,509 ~ 7,456
Khóa học 1 năm rưỡi	642,000 ~ 1,075,000	5,632 ~ 9,430
Khóa học 2 năm	932,000 ~ 1,280,000	8,175 ~ 11,228

Nguồn: Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản

Trường tiếng Nhật	Học phí	
	Yên	Đô la Mỹ
Khóa học 1 năm	415,000 ~ 997,400	3,640 ~ 8,749
Khóa học 1 năm rưỡi	772,000 ~ 1,530,000	6,772 ~ 13,421
Khóa học 2 năm	1,006,000 ~ 2,000,000	8,825 ~ 17,544

Nguồn: Hiệp hội Chấn hưng Giáo dục tiếng Nhật

※ Tham khảo Học phí và tổng học phí của các trường đại học Anh, Mỹ

		1 năm học		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp※6	
		Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ
Mỹ	Đại học công lập hệ 4 năm	2,842,020	24,930	11,368,080	99,720
	Đại học tư lập hệ 4 năm	3,816,720	33,480	15,266,880	133,920

※ 6 Bao gồm học phí 4 năm và tổng kinh phí

Nguồn: Hướng dẫn du học Mỹ 2018

		1 năm học		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp※7	
		Yên	Bảng	Yên	Bảng
Anh	Kho học xã hội	1,500,000 ~ 2,550,000	10,000 ~ 17,000	4,500,000 ~ 7,650,000	30,000 ~ 51,000
	Khoa học tự nhiên	1,800,000 ~ 3,900,000	12,000 ~ 26,000	5,400,000 ~ 11,700,000	36,000 ~ 78,000
	Y học	3,750,000 ~ 6,000,000	25,000 ~ 40,000	11,250,000 ~ 18,000,000	75,000 ~ 120,000

※ 7 Bao gồm học phí 3 năm và tổng kinh phí

Nguồn: Hướng dẫn du học Anh 2016/17

(1 Bảng = 150 Yên)

HỌC BỔNG

Có ít học bổng chi trả toàn bộ chi phí cần thiết khi du học, phần nhiều học bổng là chi trả một phần chi phí sinh hoạt hoặc học phí. Hãy lập kế hoạch du học không chỉ dựa vào học bổng.

Hỗ trợ về kinh tế

- ① Học bổng
- ② Chế độ miễn giảm học phí (Miễn giảm 30%, 50%, 100% v.v.)

Phương pháp ứng tuyển

- ① <Xin trước khi sang Nhật> Xin học bổng trước khi sang Nhật (số lượng ít)
- ② <Xin sau khi sang Nhật> Xin học bổng tại nước Nhật sau khi đến Nhật nhập học (số lượng nhiều)

Số lượng các tổ chức cấp học bổng theo trình độ tương ứng

Có nhiều học bổng dành cho các khóa học chính quy tại trường đại học và sau đại học.

	Đối tượng	Ứng tuyển trước khi sang Nhật		Ứng tuyển sau khi sang Nhật
		Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân	Chính phủ Nhật Bản	Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân
1	Sinh viên Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	2	○	22
2	Sinh viên khóa chuyên môn trường dạy nghề	5	○	20
3	Sinh viên khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của trường đại học, cao đẳng	1	○	6
4	Sinh viên của cơ sở giáo dục tiếng Nhật ngoài mục 3 ở trên	3		8
5	Sinh viên cao đẳng	2		40
6	Sinh viên dự thính ở trường đại học	0		4
7	Sinh viên đại học	7	○、 Khóa đào tạo về tiếng Nhật và văn hóa Nhật	115
8	Nghiên cứu sinh sau đại học	4	○、 Đào tạo giáo viên	29
9	Thạc sĩ	15	○、 YLP	143
10	Tiến sĩ	14	○	137

Nguồn: Thông tin học bổng du học Nhật Bản - của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản

Điều kiện ứng tuyển

- ① Tuổi tác ② Quốc gia, khu vực xuất thân ③ Trường đang theo học tại Nhật ④ Có yêu cầu về lĩnh vực chuyên môn v.v.

Kỳ thi tuyển chọn

Hầu hết sẽ đánh giá hồ sơ, nhưng cũng có trường hợp phỏng vấn hoặc tổ chức kỳ thi viết đánh giá năng lực ngôn ngữ hoặc những kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên môn.

Phương pháp nộp hồ sơ

Hầu hết đều nộp hồ sơ thông qua trường đang theo học (Cụ thể hãy xác nhận với người phụ trách du học sinh của trường).

Học bổng có thể ứng tuyển trước khi sang Nhật

Loại	Đối tượng hoặc số lượng cơ quan chi trả	Số tiền cấp hàng tháng	Tham khảo	Liên hệ
Học bổng Chính phủ (Học bổng Mongbukagakusho) ※ 1	Du học sinh chương trình Lãnh đạo trẻ (YLP)	242,000 Yên	2,123 Đô la Mỹ	Cơ quan ngoại giao của Nhật ở các nước, trường hiện đang theo học ※ 2
	Du học sinh nghiên cứu (Không chính qui)	143,000 Yên	1,254 Đô la Mỹ	
	Du học sinh nghiên cứu (Khóa học Thạc sĩ)	144,000 Yên	1,263 Đô la Mỹ	
	Du học sinh nghiên cứu (Khóa học Tiến sĩ)	145,000 Yên	1,272 Đô la Mỹ	
	Du học sinh ngành giáo dục	143,000 Yên	1,254 Đô la Mỹ	
	Du học trường đại học (khoa)/ Du học sinh trường kỹ thuật chuyên nghiệp/ Du học sinh trường dạy nghề/ Du học sinh tiếng Nhật, nghiên cứu văn hóa Nhật	117,000 Yên	1,026 Đô la Mỹ	
Học bổng khuyến học dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (Chương trình thúc đẩy tiếp nhận du học sinh)	Đây là học bổng dành cho du học sinh từ phi nước ngoài đạt thành tích xuất sắc trong Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) và nhập học với tư cách sinh viên chính quy vào các trường đại học (khoa), cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp (từ năm 3 trở lên) hoặc khóa chuyên ngành trường dạy nghề của Nhật Bản.	48,000 Yên	421 Đô la Mỹ	Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) ※ 3
Học bổng của chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân	17 cơ quan	60,000 Yên ~ 200,000 Yên	526 Đô la Mỹ ~ 1754 Đô la Mỹ	Các chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân v.v.
Học bổng riêng của từng trường, chế độ miễn và giảm học phí	-	-	-	Trường dự định sẽ vào học

※ 1 Có tăng thêm số tiền học bổng tùy từng khu vực học tập, nghiên cứu.

※ 2 Ở một số nước, cơ quan chính phủ của quốc gia đỡ trở thành đầu mối học bổng chính phủ Nhật Bản.

※ 3 https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/shoureihi/yoyakuseido/index.html

Học bổng có thể ứng tuyển trước khi sang Nhật (Học bổng theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học v.v.)

Loại	Đối tượng hoặc số lượng cơ quan chi trả	Số tiền cấp hàng tháng	Tham khảo	Liên hệ
Học bổng hỗ trợ du học sinh nước ngoài (tiếp nhận theo hiệp định)	Du học sinh nước ngoài có thời gian du học từ 8 ngày tới 1 năm theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học.	80,000 Yên	702 Đô la Mỹ	Trường đang theo học

Học bổng ứng tuyển sau khi đến Nhật

Loại	Đối tượng hoặc số lượng cơ quan chi trả	Số tiền cấp hàng tháng	Tham khảo	Liên hệ
Học bổng Chính phủ (Học bổng Mongbukagakusho) ※ 1	Du học sinh nghiên cứu (Khóa học Thạc sĩ)	144,000 Yên	1,263 Đô la Mỹ	Trường đang theo học tại nước Nhật
	Du học sinh nghiên cứu (Khóa học Tiến sĩ)	145,000 Yên	1,272 Đô la Mỹ	
Học bổng khuyến học dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (Chương trình thúc đẩy tiếp nhận du học sinh)	Sau đại học (Khóa học Thạc sĩ, Khóa học Tiến sĩ)/ Nghiên cứu sinh (Sau đại học)/ Đại học (Khoa)/ Cao đẳng/ Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (năm 3 trở lên)/ Khoa chuyên môn trường dạy nghề/ Khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh/ Khoa chuyên ngành/ Khóa đào tạo dự bị	48,000 Yên	421 Đô la Mỹ	Trường đang theo học tại nước Nhật
	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật	30,000 Yên	263 Đô la Mỹ	
Học bổng của chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân	135 cơ quan	20,000 Yên ~ 310,000 Yên	526 Đô la Mỹ ~ 1754 Đô la Mỹ	Trường đang theo học tại nước Nhật hoặc tổ chức cấp học bổng
Học bổng của chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân	-	-	-	Trường đang theo học tại nước Nhật

※ 1 Có tăng thêm số tiền học bổng tùy từng khu vực học tập, nghiên cứu. Ngoài ra có trường hợp không tuyển sinh do tình hình ngân sách.

Hãy tìm học bổng và chế độ miễn giảm học phí!

"Quyền học bổng du học Nhật Bản" (Bản tiếng Nhật, tiếng Anh) Tác giả: Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)

※ Không phải tất cả các thông tin học bổng của Nhật đều được đăng tải trong quyền này.

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/brochure.html

Có thể tra cứu thông tin học bổng từ trang web sau:

Tra cứu thông tin học bổng (JAPAN STUDY SUPPORT)

<https://www.jpss.jp/ja/scholarship/>

Thông tin học bổng Chính phủ Nhật Bản (Monbukagakusho) (Hướng dẫn thông tin tổng hợp về du học Nhật Bản)

<http://www.studyjapan.go.jp/jp/toj/toj0302j.html>

Tra cứu học bổng, chế độ miễn giảm học phí của các trường (JASSO)

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

LÀM THÊM

Khoảng 75% du học sinh tự phí đi làm thêm, khoản tiền trung bình nhận được 1 tháng là 50,000 Yên (439 Đô la Mỹ). Không thể chi trả toàn bộ học phí và sinh hoạt phí chỉ bằng tiền làm thêm. Vì vậy hãy lập kế hoạch tài chính để không phụ thuộc vào việc làm thêm.

Khi làm thêm phải tuân thủ các điều kiện dưới đây. Nếu không tuân thủ sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

1. Nhận “giấy phép làm thêm” tại Cục quản lý xuất nhập cảnh gần nhất v.v. Những người có tư cách lưu trú “du học” thời hạn trên 3 tháng khi nhập cảnh lần đầu tiên vào Nhật Bản có thể nộp đơn xin cấp giấy phép làm thêm tại sân bay v.v.
2. Không làm ảnh hưởng tới việc học.
3. Làm thêm với mục đích bổ sung thêm chi phí cần thiết cho việc học và sinh hoạt tại Nhật Bản, không với mục đích tiết kiệm hoặc kiếm tiền gửi về nước.
4. Không làm công việc kinh doanh giải trí dành cho người lớn. ※ Những việc bị pháp luật cấm.
5. **Số giờ làm thêm** không quá 28 tiếng trong 1 tuần (trong thời gian nghỉ lễ dài có thể làm 8 tiếng 1 ngày).
6. Làm thêm trong thời gian đang theo học tại các cơ sở giáo dục.

Điểm quan trọng khi quyết định công việc làm thêm!

Không vượt ngoài mục đích du học, không làm quá sức ảnh hưởng tới sức khỏe.

◎ Có ảnh hưởng đến kết quả học tập không?

Có ảnh hưởng tới ngày hôm sau do làm thêm đến tối muộn hoặc làm thêm trong thời gian dài không?

◎ Tiến công, cách trả tiền công

Trả bằng tiền mặt hay chuyển khoản ngân hàng tiền thuê, tiền công ngày, tiền công tuần, tiền công tháng?

◎ Nội dung công việc có an toàn không?

Có phải công việc nguy hiểm không, có bảo hộ trong quá trình làm việc không?

Việc giới thiệu công việc làm thêm được tổ chức ở trường đang học.

Loại hình công việc nhiều du học sinh làm thêm
(Câu hỏi có nhiều câu trả lời)

	Loại công việc	Tỷ lệ
1	Ẩm thực	45.7%
2	Kinh doanh, bán hàng	24.7%
3	Giảng dạy, trợ giúp nghiên cứu	6.9%
4	Biên phiên dịch	6.8%
5	Giáo viên ngôn ngữ	6.5%
6	Dọn dẹp	5.1%
7	Lễ tân khách sạn, bồi bàn	5.0%
8	Gia sư	4.6%

Nguồn: “Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tự phí nước ngoài năm 2015” (JASSO)

Lời khuyên

Hàng năm đều có du học sinh do làm thêm mà lơ là việc học, không đủ điểm chuyên cần dẫn đến không xin gia hạn được visa và phải về nước. Mọi người hãy hết sức lưu ý điều này.

Tiền lương theo giờ

Tiền lương theo giờ	Tỷ lệ
Dưới 800 Yên	9.3%
800 ~ dưới 1,000	50.1%
1,000 ~ dưới 1,200 Yên	30.7%
1,200 ~ dưới 1,400 Yên	4.4%
Trên 1,400 Yên	4.5%
Không rõ	1.0%



(Cảnh giác trước những công ty du học lừa đảo khẳng định “có thể kiếm tiền trong thời gian du học ở Nhật)

(Những năm gần đây, một số công ty tư vấn du học lừa đảo đã đăng thông tin sai sự thật nên mọi người hãy hết sức cẩn thận)

✗ Tiền công 1 giờ làm thêm là 3,000 Yên (26 Đô la Mỹ)”.
→ Tiền công theo giờ thông thường là 900 Yên (8 Đô la Mỹ)

✗ Mặc dù đi học nhưng 1 tháng đi làm thêm vẫn kiếm được 200,000 ~ 300,000 Yên, có thể trả tiền học phí và sinh hoạt phí, ngoài ra còn có thể gửi tiền về nước
→ Không thể (Trung bình khoảng 50,000 Yên (439 Đô la Mỹ)

NHÀ Ở

Chính quyền địa phương và trường học có ký túc xá dành cho sinh viên nhưng 75% du học sinh thuê trọ nhà dân hoặc ở các căn hộ cho thuê. Sau khi nhận được giấy báo nhập học hãy lập tức thu thập thông tin về nhà ở. Cách thu thập thông tin như sau: ① Bộ phận phụ trách du học sinh của trường ② Internet, báo chí ③ Các công ty bất động sản v.v. ở khu vực mình muốn sống

Ký túc xá

Ưu điểm

- Tiết kiệm chi phí
- Không cần tự mình mua thêm các thiết bị điện gia dụng v.v.

Nhược điểm

- Số lượng phòng có hạn nên không phải ai muốn cũng có thể ở ký túc xá
- Có quy định về giờ đóng cửa hoặc giờ thức giấc
- Dùng chung nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm

Lời khuyên

Tiền nhà hàng tháng

Ký túc xá: Giá thuê 28,000 JPY/tháng
(Nếu là trung tâm đào tạo tiếng Nhật Tokyo của Jasso)

Căn hộ cho thuê: Tiền thuê chênh nhau khá lớn phụ thuộc vào sự thuận tiện của nhà ga, khoảng cách từ các nhà ga và số năm xây dựng của căn hộ v.v. Ở các khu vực tỉnh lẻ có thể tìm được căn hộ với giá từ 30,000 ~ 40,000 Yên, nhưng ở Tokyo giá nằm trong khoảng 60,000 Yên.

Lời khuyên

Vứt rác

Ở Nhật quy định về vứt rác rất nghiêm khắc, nếu không tuân thủ sẽ gặp rắc rối với hàng xóm. Hãy phân loại rác và vứt vào địa điểm, thời gian quy định.



Căn hộ cho thuê

Ưu điểm

- Có thể sinh hoạt theo cách mình thích
- Nhận thức được giá trị của đồng tiền

Nhược điểm

- Phải trả trước tiền đặt cọc (vài tháng tiền nhà, cũng có nhiều nơi gọi là tiền bảo đảm), tiền cảm ơn, chi phí giới thiệu v.v.
- Thủ tục ký kết hợp đồng thuê nhà phức tạp
- Phải tự mua sắm đồ nội thất, thiết bị điện gia dụng

Người bảo lãnh liên đới là gì?

Ở Nhật, thông thường khi thuê nhà cần có “người bảo lãnh liên đới”.

Nếu bạn không trả tiền nhà đúng hạn, làm hỏng các thiết bị trong phòng nhưng không đến tiền sửa chữa v.v. chủ nhà sẽ yêu cầu “người bảo lãnh liên đới” trả. Vì du học sinh có ít người quen bên Nhật nên có cơ chế chấp nhận người bảo lãnh liên đới là những người làm trong trường học (cơ quan, giảng viên, nhân viên). Ngoài ra, cũng có trường hợp không cần “người bảo lãnh liên đới” tùy thuộc vào hợp đồng trả “phí bảo lãnh”.

※Đền bù thiệt hại về nhà ở cho du học sinh

Là chế độ được quản lý bởi Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản, nhằm chuẩn bị ứng phó cho trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn mà không làm phiền tới người bảo lãnh. Hãy hỏi trường nơi bạn định nhập học hoặc đang theo học để biết xem có thể sử dụng chế độ này hay không.

Điểm quan trọng khi tìm nhà

- ① Tiền nhà, chi phí ban đầu?
- ② Khoảng cách và thời gian từ nhà tới trường?
- ③ Diện tích phòng, các trang thiết bị?
- ④ Sự tiện lợi của môi trường xung quanh (gần nhà ga, mua sắm dễ dàng không v.v.)?



BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THIẾT HẠI

Bảo hiểm y tế (Bảo hiểm sức khỏe toàn dân)

Nhật Bản có chế độ bảo hiểm để giảm bớt gánh nặng về chi phí y tế.

Người nước ngoài lưu trú ở Nhật trên 3 tháng phải tham gia “Bảo hiểm y tế toàn dân”.

※ 3 Du học sinh lưu trú dưới 3 tháng hãy hỏi trường mình định theo học.

■ Để tham gia bảo hiểm

Tiến hành thủ tục sau khi đăng ký công dân tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống.

■ Phí bảo hiểm

Thông thường khoảng 20,000 Yên/1 năm. Tuy nhiên, tùy theo từng khu vực cũng như thu nhập của bạn mức phí sẽ khác nhau. Đối với sinh viên, cũng có những khu vực có chế độ giảm hoặc hỗ trợ phí bảo hiểm, bạn nên hỏi thật kỹ.

■ Nội dung bảo hiểm

Khi bị thương hoặc ốm đau, nếu xuất trình thẻ bảo hiểm, cơ quan bảo hiểm nhà nước sẽ chi trả 70% tổng chi phí điều trị và 30% chi phí còn lại sẽ do cá nhân tự trả. Tuy nhiên, các chi phí y tế ngoài phạm vi áp dụng của bảo hiểm sẽ do cá nhân chi trả toàn bộ.

Khi tham gia bảo hiểm sức khỏe toàn dân, nếu phí điều trị 1 tháng cao vượt quá phần cá nhân chi trả thì sau đó sẽ được trả lại. Ngoài ra, khi nhập viện, có thể chỉ cần trả số tiền trong phạm vi giới hạn tối đa tại bệnh viện nếu trước đó bạn làm đơn và xin được “giấy xác nhận số tiền thanh toán tối đa”.

Bảo hiểm thiệt hại

Du học sinh có thể tham gia Bảo hiểm thương tật và Bảo hiểm bồi thường cá nhân – hình thức bảo hiểm bồi thường thiệt hại liên quan tới tai nạn v.v. mà Bảo hiểm y tế toàn dân không áp dụng.

Ví dụ, du học sinh được bồi thường trong những trường hợp dưới đây:

- Phải dán lại tường do dầu mỡ khi rán bắn lên hoặc nhà bếp bị ám đen.
- Đi xe đạp va chạm với người đi bộ gây thương tích phải chi trả phí điều trị cho người bị hại
- Bị mất trộm máy tính, máy ảnh để trong phòng khi vắng nhà

Hãy thảo luận với nhà trường vì có rất nhiều hướng dẫn về các loại bảo hiểm.

“Bảo hiểm tai nạn, thương tật, thiên tai trong khi nghiên cứu, học tập dành cho sinh viên” (Gakkensai)

Là chế độ bảo hiểm của Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản mà 96% các trường đại học đang tham gia. Bên cạnh đó cũng có chế độ “Inbound Fusai - Gakusou” bồi thường đầy đủ thiệt hại.

<http://www.jees.or.jp/gakkensai/>

“Chế độ bảo hiểm của Hiệp hội sinh viên”

Có chế độ bảo hiểm của Hiệp hội sinh viên mà khi đang đi học có thể tham gia.

<http://kyosai.univcoop.or.jp/>

THỰC TẬP (INTERNSHIP)

Thực tập

Là chế độ cho sinh viên trải nghiệm công việc liên quan tới chuyên ngành, nghề nghiệp tương lai tại các doanh nghiệp v.v. khi còn đang theo học. Cũng có những trường coi đây là một môn học trong khóa đào tạo nhận được tín chỉ. Du học sinh cần xác nhận trực tiếp với trường xem có chế độ thực tập không và có công nhận tín chỉ không. Trường hợp nhận được lương khi thực tập, cần phải có “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” nên hãy hết sức lưu ý. Nếu muốn thực tập trên 28 tiếng 1 tuần cần làm đơn xin phép “hoạt động ngoài tư cách lưu trú” tại Cục xuất nhập cảnh địa phương v.v. dựa trên các tài liệu ghi rõ về nội dung thực tập.

■ Khác nhau giữa làm thêm và thực tập

Làm thêm: là hoạt động lao động nhận được tiền công bằng việc cung cấp sức lao động.

Thực tập: là hoạt động trải nghiệm làm việc để nhận được cơ hội việc làm và có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp sau này v.v. Có nhiều trường hợp làm không thù lao.

■ Cách tìm kiếm công việc thực tập

- ① Trang hỗ trợ tìm việc: Tuyển nhiều người thực tập bất kể loại hình và nội dung công việc.
- ② Bộ phận phụ trách hoạt động tìm việc ở trường đại học. Hãy xem bảng thông tin v.v.
- ③ Công ty tư vấn thực tập: Vì họ nắm rõ các doanh nghiệp tiếp nhận nên khó xảy ra việc không phù hợp giữa sinh viên và doanh nghiệp.

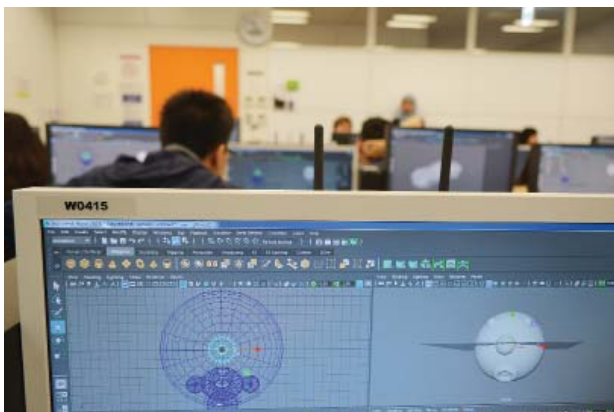
■ Tư cách lưu trú của sinh viên đang học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật nhưng thực tập ở Nhật

Sinh viên đang học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật nếu muốn nhập cảnh vào Nhật Bản để trải nghiệm làm việc theo hợp đồng hoặc cam kết với các doanh nghiệp Nhật như một phần của khóa đào tạo lấy tín chỉ của trường đại học đó sẽ có các tư cách lưu trú là “hoạt động đặc biệt”, “hoạt động văn hóa” hoặc “lưu trú ngắn hạn” tùy vào thời gian lưu trú cũng như việc sinh viên có nhận lương thực tập hay không.

METI Japan Internship Program

Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp đang thực hiện dự án thúc đẩy thực tập tại các doanh nghiệp Nhật Bản dành cho nhân tài trẻ người nước ngoài.

Liên hệ: Technical Cooperation Division, Trade and Economic Cooperation Bureau, METI



LÀM VIỆC TẠI NHẬT BẢN

Ngày càng có nhiều doanh nghiệp ở Nhật “muốn giữ chân nhân tài ưu tú bất kể quốc tịch”, “cần nhân tài am hiểu ngoại ngữ và tình hình nước ngoài”, “muốn tuyển dụng nhân tài có hoàn cảnh đa dạng”, chính vì vậy việc tuyển dụng du học sinh người nước ngoài cũng ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, tìm việc ở Nhật Bản đối với du học sinh không hề đơn giản. Dưới đây là trang web của JASSO có mục trao đổi kinh nghiệm tìm việc và đăng tải thông tin các sự kiện liên quan tới tìm việc, hãy nhanh chóng tiến hành các hoạt động tìm việc dựa trên những thông tin tham khảo đó.

Hướng dẫn tìm việc cho du học sinh người nước ngoài (JASSO)

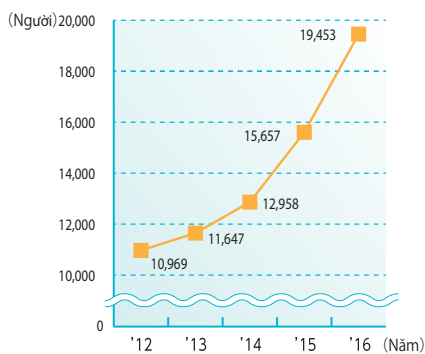
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/job/

Japan Alumni eNews (JASSO)

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/enews/

Tình hình tuyển dụng du học sinh tại Nhật Bản

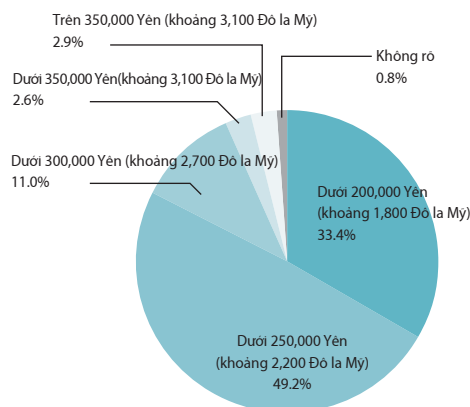
Số người được cho phép chuyển đổi từ tư cách lưu trú “du học” sang lao động



Tỷ lệ cơ cấu chia thành ngành nghề (10 ngành đứng đầu)

1	Thương mại, ngoại thương	20.6%
2	Máy tính	9.4%
3	Ăn uống	5.3%
4	Khách sạn, nhà nghỉ	3.0%
5	Kiến trúc	2.6%
6	Giáo dục	2.5%
7	Thực phẩm	2.4%
8	Điện	2.3%
9	Du lịch	2.3%
10	Cơ khí	2.1%

Lương khởi điểm (lương tháng)



Nguồn: “Tình hình tìm việc của các du học sinh ở các doanh nghiệp Nhật Bản năm 2016” (Cục quản lý nhập cảnh, Bộ Tư pháp)

※ 1 Đô la Mỹ = 114 Yên

Chuyển đổi tư cách lưu trú

Du học sinh tìm việc tại Nhật Bản cần phải thay đổi tư cách lưu trú “du học” sang tư cách lưu trú có thể làm việc như “kỹ thuật, kiến thức nhân văn, nghiệp vụ quốc tế”.

Cần lưu ý một số điểm sau:

① Trình độ học vấn	Tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp của Nhật Bản hoặc ngoài Nhật Bản. Những người tốt nghiệp trường dạy nghề và nhận được “chứng chỉ chuyên môn”
② Nội dung công việc sẽ làm	Nội dung công việc có liên quan tới chuyên ngành hay không rất quan trọng. Ví dụ: Cho dù người học về thiết kế thời trang được tuyển vào làm kỹ sư máy tính sẽ rất khó chuyển đổi tư cách lưu trú.
③ Thủ lao	Bảo đảm thủ lao bằng hoặc cao hơn người Nhật.
④ Tình hình thực tế của doanh nghiệp	Nền tảng kinh doanh, thành tích kinh doanh của doanh nghiệp ổn định v.v.

Trường hợp không tìm được việc

Cho dù không tìm việc cho tới khi tốt nghiệp đại học^{※1} hoặc trường dạy nghề^{※2} cũng có thể tiếp tục hoạt động tìm việc trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp nếu tiến hành chuyển đổi tư cách lưu trú từ “du học” sang “hoạt động đặc biệt”. Thời gian lưu trú trong trường hợp này là 6 tháng và vé nguyên tắc được chuyển đổi 1 lần. Tuy nhiên, có thể tiếp tục hoạt động tìm việc ở năm thứ 2 sau khi tốt nghiệp nếu thỏa mãn những điều kiện nhất định.

Cụ thể về cách thức làm thủ tục hãy hỏi Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương v.v.

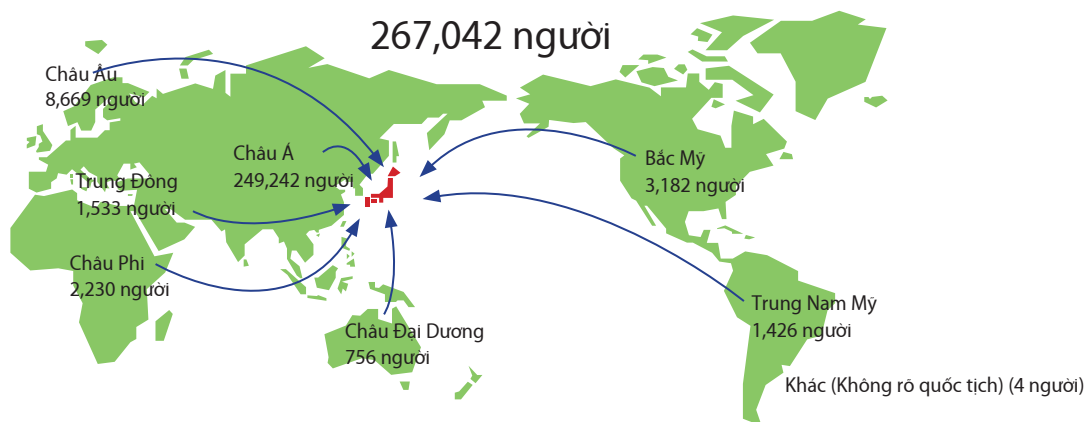
※1 Bao gồm cao đẳng và sau đại học. Tuy nhiên, không bao gồm sinh viên Bekka, sinh viên du thỉnh, sinh viên tự do lựa chọn môn học và nghiên cứu sinh.

※2 Chỉ dành cho những người nhận được chứng chỉ chuyên môn.

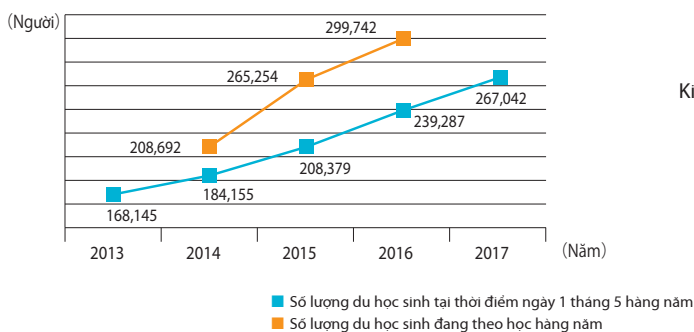
THỐNG KÊ

Số lượng du học sinh người nước ngoài ở Nhật

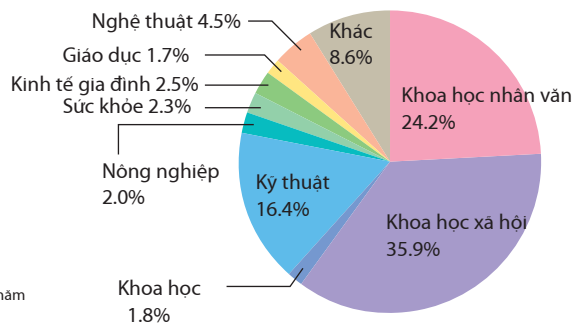
Tính tới ngày 1 tháng 5 năm 2017



Sự thay đổi số lượng du học sinh nước ngoài qua các năm



Tỷ lệ du học sinh nước ngoài phân theo chuyên ngành (Cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông)



Số lượng du học sinh nước ngoài phân theo các bậc học

		(Người)			
		Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Số lượng học sinh đang học theo cấp học	Sau đại học	29,174	1,909	15,290	46,373
	Đại học (Khoa)	11,770	1,836	63,940	77,546
	Cao đẳng	0	16	1,899	1,915
	Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	510	0	49	559
	Trường dạy nghề	0	18	58,753	58,771
	Khóa đào tạo dự bị			3,220	3,220
	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật		54	78,604	78,658
	Tổng cộng	41,454	3,833	221,755	267,042

Số lượng du học sinh chia theo quốc gia (khu vực)

STT	Tên quốc gia (khu vực)	Số lượng du học sinh
1	Trung Quốc	107,260 người
2	Việt Nam	61,671 người
3	Nepal	21,500 người
4	Hàn Quốc	15,740 người
5	Đài Loan	8,947 người

Nguồn: "Điều tra tình hình du học sinh nước ngoài năm 2017" (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/about/statistics/intl_student_e/index.html

Số lượng các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông (trường)

	Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Sau đại học	86	80	463	629
Đại học (Khoa)	82	88	584	754
Cao đẳng	0	17	320	337
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	51	3	3	57
Trường dạy nghề	9	185	2,628	2,822

※ Bao gồm cả Đại học Mở Nhật Bản (The Open University of Japan)

Nguồn: Điều tra cơ bản về các trường năm 2017 (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ)

※ Tính tới thời điểm ngày 1/5/2017

HỎI ĐÁP VỀ DU HỌC NHẬT BẢN (Q&A)

Q Có thể nộp hồ sơ dự thi dành cho người nước ngoài trong trường hợp sau đây không?

- ① Học một vài năm ở trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông tại Nhật.
- ② Đã tốt nghiệp trung học phổ thông tại Nhật.
- ③ Mang 2 quốc tịch là quốc tịch Nhật Bản và quốc tịch nước khác.

A Trường bạn đăng ký sẽ đánh giá điều kiện nộp hồ sơ của bạn. Trước khi nộp hồ sơ, hãy liên lạc với trường và xác nhận xem mình có đủ điều kiện nộp hồ sơ hay không. Tùy từng trường, có khả năng bạn phải tham dự kỳ thi đầu vào với chế độ giống hết sinh viên Nhật Bản.

Q Tôi bị khuyết tật. Tôi có được hỗ trợ khi thi đầu vào và sau khi vào học không?

A Những học sinh khuyết tật sẽ nhận được sự hỗ trợ từ trường để học tại Nhật. Trường hợp mong muốn nhận được sự giúp đỡ khi dự thi hoặc khi vào học do bị bệnh, bị khuyết tật cơ thể, trước khi nộp hồ sơ, hãy thảo luận với trường.

Q Tôi có phải sang Nhật để tham dự kỳ thi đầu vào không?

A Phần lớn các trường tổ chức thi đầu vào tại Nhật nhưng tùy theo từng trường có những trường chỉ xét hồ sơ để quyết định đỗ, trượt, có những trường tiến hành phỏng vấn qua internet; nhưng cũng có những trường tổ chức thi tại chính nước của thí sinh. (Xem trang 29 mục ⑦ thủ tục sang Nhật để dự thi)

Q Có bảng xếp hạng các trường đại học không?

A Mỗi tổ chức có bảng xếp hạng được lập dựa trên quan điểm và tiêu chuẩn riêng nhưng không có bảng xếp hạng chính thức, công khai của chính phủ Nhật Bản. Mặc dù trường xếp thứ hạng cao nhưng có thể không phù hợp với bạn nên hãy lắng nghe ý kiến của thầy cô, du học sinh đi trước hoặc xem thông tin trên trang web của JASSO, của các trường để tìm ra trường mà mình muốn học.

Hướng dẫn tổng hợp du học Nhật Bản

i <http://www.studyjapan.go.jp/jp/ath/ath0201j.html>

HOẠT ĐỘNG THÚC ĐẨY DU HỌC NHẬT BẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC Ở NƯỚC NGOÀI

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ đã bố trí các điều phối viên của những trường đại học được lựa chọn cho dự án với mục đích cung cấp thông tin liên quan tới du học và thúc đẩy hoạt động tuyển dụng những du học sinh xuất sắc. Hãy thu thập thông tin và thảo luận một cách tích cực!

Thành phố, quốc gia có dự án	Đại học	Trang web	
Yangon, Myanmar	Đại học Okayama	http://www.okayama-u.ac.jp/user/myanmar/index.html	
Lusaka, Zambia	Đại học Hokkaido	https://www.hokkaido-university-lusakaoffice-zm.com/	
New Delhi, Ấn Độ	Đại học Tokyo	http://www.indiaoffice.dir.u-tokyo.ac.jp/jp/whyjapan/index.html	
Sao Paulo, Brazil	Đại học Tsukuba	http://www.global.tsukuba.ac.jp/overseas/s%C3%A3o-paulo?language=ja	

TẬP HỢP THÔNG TIN

Các thông tin cơ bản về du học Nhật Bản



Trang web của JASSO

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/index.html

Cung cấp các thông tin cơ bản về du học Nhật Bản

- Tra cứu các trường
- Thông tin học bổng
- Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
- Triển lãm du học, buổi thuyết trình về du học do JASSO tổ chức

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/event/index.html

- Các địa điểm đặt tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản

Có thể xem sách giới thiệu của các cơ sở giáo dục Nhật Bản và tài liệu liên quan tới du học Nhật Bản.

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/sjrf/index.html

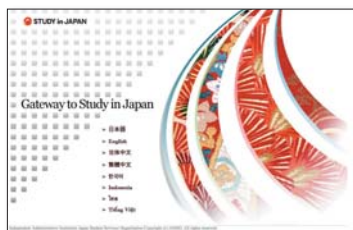
Thông tin liên quan tới du học Nhật Bản



Bản tiếng Nhật



Bản tiếng Anh



Cổng thông tin du học Nhật Bản—Gateway to Study in Japan—

<http://www.g-studyinJapan.jasso.go.jp/>

Cung cấp thông tin tổng hợp liên quan tới du học Nhật Bản

- Thông tin du học
- Thông tin người phụ trách du học



Study In Japan Hướng dẫn tổng hợp du học Nhật Bản

<http://www.studyjapan.go.jp/jp/index.html>

Thông tin quan trọng cho những người có nguyện vọng du học Nhật Bản, những người đang du học Nhật Bản, những người đã trở về nước.

- Học bổng chính phủ Nhật Bản
- Thông tin các sự kiện
- Hội cựu du học sinh
- Lời nhắn từ các cựu du học sinh



Danh sách Đại sứ quán, Lãnh sự quán Nhật Bản, Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài (Bộ Ngoại giao)

<http://www.mofa.go.jp/mofaj/annai/zaigai/list/>

Các loại thông tin dành cho du học sinh

- Thông tin du học Nhật Bản
- Thông tin học bổng chính phủ Nhật Bản

※ Cung có Đại sứ quán, Lãnh sự quán tổ chức thảo luận về du học.

Ngoài ra trang web dưới đây cũng cung cấp thông tin về du học.

JAPAN STUDY SUPPORT <http://www.jpss.jp/ja/>

- Tra cứu các trường
- Tra cứu học bổng
- Thông tin các kỳ thi nhập học
- Cuộc sống ở Nhật

Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản hi vọng sẽ trở thành nơi cung cấp thông tin đầy đủ về du học Nhật Bản cho mọi người

Pháp nhân hành chính độc lập - Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) là tổ chức trực thuộc Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ. Là cơ quan trung tâm dẫn đầu trong việc hỗ trợ sinh viên, tiến hành một cách tổng hợp các hoạt động cho vay học bổng, hỗ trợ du học sinh và hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên. Mục đích là đào tạo nguồn nhân lực có tính sáng tạo cao, giàu tính nhân văn, gánh vác xã hội trong tương lai đồng thời tăng cường sự hiểu biết, giao lưu quốc tế.

1

Hoạt động cho vay học bổng

Tiến hành hoạt động cho vay học bổng dành cho sinh viên Nhật Bản có thành tích xuất sắc nhưng gặp khó khăn trong học tập vì lý do kinh tế. Ngoài ra, chúng tôi cũng tiến hành hoàn thiện chế độ học bổng đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên, cải tiến thủ tục đăng ký, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan tới học bổng cũng như tiến hành thu hồi các khoản vay một cách hợp lý.

2

Hoạt động hỗ trợ du học sinh

Tiến hành các hoạt động cấp học bổng cho du học sinh, thực hiện các chương trình giao lưu giữa các du học sinh, cải tiến thủ tục nhập học dựa trên kỳ thi du học Nhật Bản v.v., thu thập và cung cấp thông tin liên quan tới du học.

3

Hoạt động hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên


Tiến hành thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về những hoạt động hữu ích liên quan tới hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên, đóng góp vào các hoạt động hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên do các trường đại học tổ chức. Ngoài ra, thông qua các hoạt động thực tập, chúng tôi cũng góp phần hỗ trợ hoàn thiện các dịch vụ dành cho sinh viên các trường đại học v.v.



Independent Administrative Institution
**Japan Student Services
Organization**

TEL (+81)3-5520-6111 FAX (+81)3-5520-6121
〒135-8630 Aomi, Koto-ku, Tokyo 2-2-1, Japan
infoja@jasso.go.jp

Văn phòng đại diện ở nước ngoài (Trung tâm thông tin giao lưu giáo dục quốc tế Nhật Bản, JASSO)

 **Indonesia** TEL (+62) 21-252-1912


JASSO Japan Educational Information Center, Jakarta
Summitmas Tower I, 2nd Floor, Jalan Jenderal
Sudirman KAV 61-62 Jakarta 12190 INDONESIA
info@jasso.or.id
<https://www.jasso.or.id/>
<https://www.facebook.com/jasso.indonesia>

 **Hàn Quốc** TEL (+82) 2-765-0141


JASSO Japan Educational Information Center, Seoul
#702 Garden Tower, 84 Yulgok-ro, Jongno-gu,
Seoul 03131 REPUBLIC OF KOREA
jasso@jasso.or.kr
<https://www.jasso.or.kr/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Korea>

 **Thái Lan** TEL (+66) 2-661-7057

JASSO Japan Educational Information Center, Bangkok
10F Serm-mit Tower, 159 Asok-Montri Rd.,
Klongtoey-Nua, Wattana, Bangkok 10110 THAILAND
info@jeic-bangkok.org
<http://www.jeic-bangkok.org/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Thailand>

 **Malaysia** TEL (+60) 3-2287-0812

JASSO Japan Educational Information Center, Kuala Lumpur
A-7-5, Northpoint Offices, Mid Valley City,
No.1, Medan Syed Putra Utara, 59200 Kuala Lumpur, MALAYSIA
enquiry@studyinjapan.org.my
<http://www.studyinjapan.org.my/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Malaysia>

 **Việt Nam** TEL (+84)24-3710-0226

JASSO Vietnam Office
Tầng 4, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh,
Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
info@jasso.org.vn
<https://www.jasso.org.vn/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Vietnam>

Nhiệm vụ của Văn phòng đại diện ở nước ngoài:

- Cung cấp thông tin qua email, điện thoại, thư từ, trao đổi trực tiếp.
 - Cung cấp thông tin hướng dẫn về các trường, danh sách trường, tư vấn du học Nhật Bản.
 - Cung cấp thông tin tại các buổi hội thảo du học ở nước sở tại
- <https://www.jasso.go.jp/ryugaku/about/jeic/index.html>

ISBN: 978-604-952-288-8

